**BÀI 6: NGUYỄN TRÃI “DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY” (12 tiết)**

|  |
| --- |
| **MỤC TIÊU** (Chung toàn bài)  **1. Kiến thức**  - Tiểu sử về Nguyễn Trãi, những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Trãi, vị trí của ông trong nền văn học dân tộc.  - Đọc hiểu một số tác phẩm tiêu biểu văn chính luận và thơ trữ tình của Nguyễn Trãi: Bình Ngô đại cáo, Bảo kính cảnh giới, Dục Thuý sơn và một số văn bản khác.  - Thực hành việc sử dụng từ Hán Việt.  - Quy trình viết văn bản nghị luận bề một vấn đề xã hội.  - Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau.  **2. Năng lực**  - Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác gia này.  - Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.  - Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.  - Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày rõ quan điểm và hệ thống luận điểm, bài viết có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục.  - Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục; tôn trọng người đối thoại.  **3. Phẩm chất**  - Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc. |

**ĐỌC**

**VĂN BẢN 1: TÁC GIA NGUYỄN TRÃI**

**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Tiểu sử của Nguyễn Trãi.

- Những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Trãi.

- Vị trí của Nguyễn Trãi trong nền văn học trung đại Việt Nam.

**2. Năng lực**

- HS tóm tắt được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Trãi.

- HS nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Trãi; biết vận dụng vào việc đọc hiểu các tác phẩm Bình Ngô đại cáo, Bảo kính cảnh giới (bài 43), Dục Thuý sơn và các văn bản khác của Nguyễn Trãi.

**3. Phẩm chất:**

- Biết tự hào và có ý thức gìn giữ di sản văn hoá của dân tộc.

**-** Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:**

- Máy tính, ti vi, Máy chiếu, giấy AO, A4…

**2. Học liệu:**

**-** Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm, phiếu học tập, bảng kiểm

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Thực hiện trong phần khởi động

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

**-** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về tác gia Nguyễn Trãi.

**b. Nội dung:**

**-** HS quan sát hình ảnh chiếu trên máy để trả lời câu hỏi và chia sẻ hiểu biết về một số tác giả văn học trung đại.

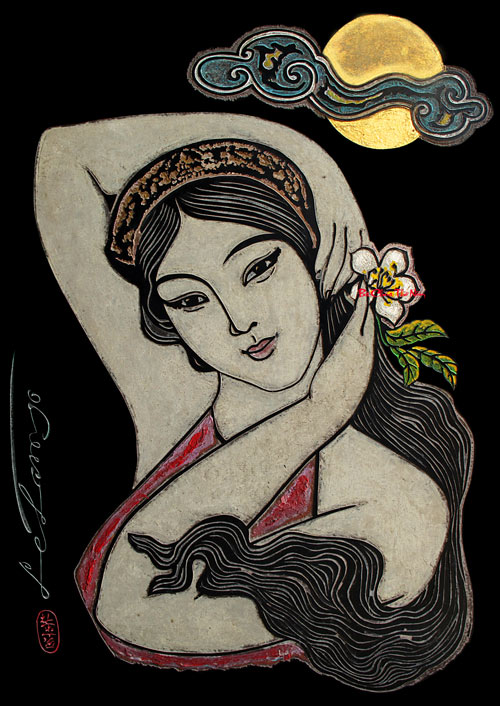
**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

**Câu 1:** Nhà thơ nào được mệnh danh là bà chúa thơ Nôm?



Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng,  
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.  
Năm chừng mười hoạ hay chăng chớ,  
Một tháng đôi lần có cũng không.

**Đáp án: Hồ Xuân Hương**

**Câu 2: Ai là tác giả của bài thơ “Qua đèo Ngang”?**

****

**Qua Đèo Ngang**

*Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,*  
*Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.*  
*Lom khom dưới núi, tiều vài chú,*  
*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.*  
*Nhớ nước, đau lòng, con quốc quốc,*  
*Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.*  
*Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,*  
*Một mảnh tình riêng, ta với ta.*

**Đáp án: Bà Huyện Thanh Quan**

**Câu 3: Nhà thơ nào được Tố Hữu nhắc đến qua các câu thơ sau:**

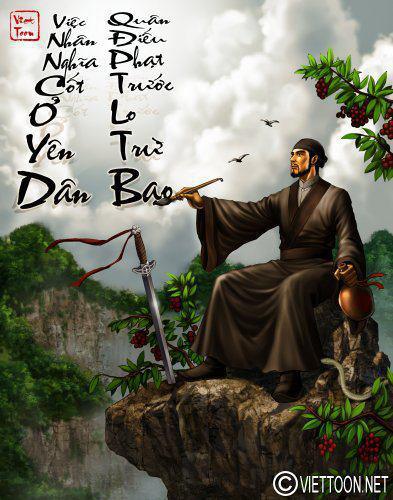


Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân  
Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều...  
Hỡi lòng tê tái thương yêu  
Giữa dòng trong đục, bánh bèo lênh đênh  
Ngổn ngang bên nghĩa bên tình  
Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao?  
Ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào  
Đành như thân gái sóng xao Tiền Đường!...

**Đáp án: Nguyễn Du**

**Câu 4: Ông là ai? Người sống trong thời đại có nhiều biến động về lịch sử, là cánh tay phải đắc lực của Lê Lợi, là người chịu án oan thảm khốc nhất trong lịch sử dân tộc?**

****



**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thảo luận nhóm theo bàn

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS báo cáo kết quả, thảo luận, nhận xét

**B4: Kết luận, nhận định**

GV nhậnxét, đánh giá

Đáp án: Nguyễn Trãi

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS trả lời cá nhân theo hình thức Ai nhanh hơn?

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS bổ sung, nhận xét

**B4: Kết luận, nhận định**

GV nhậnxét, đánh giá và dẫn vào bài mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1 TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:**

**-** Nhận biết những đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam.

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh xã hội, đặc trưng của văn học trung đại Việt Nam vào việc tìm hiểu cuộc đời và đọc hiểu những sáng tác của Nguyễn Trãi.

**b. Nội dung:** HS tham gia trò chơi “Vòng quay văn học”

**c. Sản phẩm:** Trả lời câu hỏi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi Vòng quay văn học**

Câu 1. Văn học trung đại Việt Nam ra đời và phát triển trong khoảng thời gian nào?

1. Từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX C. Từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975
2. Từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVII D. Từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX

Đáp án: A

Câu 2. Văn học trung đại Việt Nam chủ yếu tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo nền văn học cổ điển của nước nào?

1. Nhật Bản C. Nga
2. Trung Hoa D. Ấn Độ

Đáp án: B

Câu 3. Đâu **không phải** là giá trị nội dung cơ bản của văn học trung đại Việt Nam?

1. Ca ngợi vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến
2. Gắn bó sâu sắc với vận mệnh của quốc gia, dân tộc
3. Thể hiện rõ tinh thần yêu nước
4. Đề cao các giá trị nhân văn, nhân đạo

Đáp án: A

Câu 4. Đặc trưng nổi bật nhất của văn học trung đại là gì?

1. Tính nguyên hợp C. Tính quy phạm
2. Tính sùng cổ D. Tính song ngữ

Đáp án: C

Câu 5. Đâu **không phải** là đặc điểm của tác giả văn học trung đại Việt Nam?

1. Là thế hệ trí thức giàu ý thức tự tôn dân tộc
2. Loại hình tác giả phổ biến là nhà văn – chiến sĩ
3. Hấp thụ tinh hoa văn hoá dân gian và tiếp nhận ảnh hưởng tư tưởng Nho, Phật, Đạo
4. Loại hình tác giả phổ biến là thiền sư, nhà nho, đạo sĩ

Đáp án: B

Câu 6. Đâu là những thể loại tiêu biểu của văn nghị luận Việt Nam thời trung đại?

1. Truyện ngắn, tiểu thuyết, phóng sự
2. Thơ lục bát, thơ song thất lục bát
3. Hát nói, truyện thơ
4. Hịch, cáo, chiếu, thư

Đáp án: D

Câu 7. *Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng*. (Trích *Hịch tướng sĩ*, Trần Quốc Tuấn, SGK Ngữ văn 8, tập hai)

Yếu tố biểu cảm trong đoạn trích trên được thể hiện qua

1. Cách lập luận chặt chẽ
2. Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu
3. Cách lựa chọn dẫn chứng phù hợp
4. Sử dụng lí lẽ sắc bén

Đáp án: B

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS xem trình chiếu và trả lời nhanh

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS xâu chuỗi những từ khoá đã trả lời được giới thiệu ngắn gọn những hiểu biết của mình về văn học trung đại Việt Nam (bối cảnh xã hội, sự hình thành, phát triển, giá trị nội dung chính, đặc trưng cơ bản…)

**B4: GV kết luận, nhận định**

GV chốt lại một số nội dung chính trong phần tri thức ngữ văn:

**I. TRI THỨC NGỮ VĂN**

**1. Văn học trung đại**

- Văn học trung đại Việt Nam hình thành, phát triển trong khoảng thời gian từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX; trong thời kì phong kiến.

- Gồm hai bộ phận: Văn học viết bằng chữ Hán và văn học viết bằng chữ Nôm

- Văn học trung đại được nuôi dưỡng bởi nguồn mạch của văn học dân gian

- Tiếp thu một cách chọn lọc, sáng tạo tinh hoa của nhiều nền văn hoá, văn học trong khu vực đặc biệt là văn học cổ điển Trung Hoa.

- Nội dung chủ yếu: yêu nước và nhân văn, nhân đạo

- Đặc trưng:

+ Tính nguyên hợp (văn, sử, triết bất phân)

+ Tính sùng cổ

+ Tính song ngữ

+ Tính quy phạm -> đặc trưng tiêu biểu nhất

**2. Tác giả văn học trung đại**

- Là các thế hệ trí thức giàu ý thức tự tôn dân tộc.

- Hấp thụ tinh hoa văn hoá dân gian và tiếp nhận ảnh hưởng tư tưởng Nho, Phật, Đạo

- Loại hình tác giả phổ biến là thiền sư, nhà nho, đạo sĩ.

**3. Văn nghị luận thời trung đại**

- Thể loại phong phú: hịch, cáo, chiếu, biểu, thư, trát, luận thuyết, tự, bạt…

- Đặc điểm của văn nghị luận thời trung đại

+ Bố cục mang tính quy phạm

+ Lời văn chứa nhiều điển tích, điển cố

+ Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, giọng điệu hùng hồn.

+ Giàu yếu tố biểu cảm thể hiện rõ quan điểm, chủ kiến của người viết.

**2.2. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN TÁC GIA NGUYỄN TRÃI**

**\*HOẠT ĐỘNG ĐỌC VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích

- HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi.

**b. Nội dung hoạt động**:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và nắm rõ thông tin quan trọng và nghĩa một số từ Hán Việt ở phần chú thích

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **(1) GV hướng dẫn cách đọc**:  - GV yêu cầu HS đọc văn bản trước khi đến lớp, tóm tắt vào vở những nội dung cơ bản.  - Trên lớp:  + Cho HS đọc thầm, chọn đọc thành tiếng một vài mục cần nhấn mạnh.  + Hướng dẫn HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.  + Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV- nhận xét cách đọc của HS. | **II. ĐỌC VĂN BẢN**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó SGK |

**\*HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

- HS tóm tắt được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Trãi.

- HS nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Trãi; biết vận dụng vào việc đọc hiểu các tác phẩm Bình Ngô đại cáo, Bảo kính cảnh giới (bài 43), Dục Thuý sơn và các văn bản thực hành đọc.

- HS hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Trãi đối với lịch sử và nền văn học dân tộc;

**b. Nội dung:**HS quan sát SGK, thực hiện theo hướng dẫn để tìm hiểu nội dung kiến thức.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời, phiếu học tập, sản phẩm nhóm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1:**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ  Nối những sự kiện tương ứng về cuộc đời và con người Nguyễn Trãi trong phiếu học tập số 1.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **NỐI NHỮNG SỰ KIỆN TƯƠNG ỨNG VỀ TIỂU SỬ NGUYỄN TRÃI TRONG HAI CỘT LẠI VỚI NHAU**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **NÉT CHÍNH VỀ CUỘC ĐỜI NGUYỄN TRÃI** | | | | **NGUYỄN TRÃI (1380 – 14420)** | | | | **Quê quán** |  | Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh, cùng cha ra làm quan cho nhà Hồ. | | **Gia đình** | Nguyễn Trãi tìm vào Lam Sơn dâng Bình Ngô sách, được Lê Lợi tin dùng và có đóng góp đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống quân Minh | | Vụ án Lệ Chi Viên🡪 bị tru di tam tộc, thơ văn bị tiêu huỷ cấm đoán | | **1400** | -Chí Linh, Hải Dương, nhưng lớn lên ở huyện Thường Tín, Hà Tây (nay là Hà Nội. | | **1407** | -Có truyền thống yêu nước, văn hoá, văn học  + Cha Nguyễn Phi Khanh đỗ Thái Học sinh dưới triều Trần,  + Mẹ Trần Thị Thái con gái quan tư đồ Trần Nguyên Đán | | **1423** | Khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng, Nguyễn Trãi Thừa lệnh Lê Lợi viết Bình Ngô đại cáo. | | **1427** | Triều đình ngày càng rối ren, gian thần lộng hành, trung thần bị sát hại, Nguyễn Trãi bị nghi tội sát hại các công thần, bị bắt giam, sau đó được thả nhưng không được tin dùng như trước. | | **1430 -1437** | **Triều Hồ sụp đổ**, giặc Minh xâm lược nước ta, cha ông bị bắt đưa sang Trung Quốc | | Vua Lê Thái Tông mời ông ta giúp nước | | **1440** | Về ở ẩn tại Côn Sơn | | **1442** | | **1464** | UNESCO công nhận: *Danh nhân văn hóa Thế giới.* | | **1437** | Vua Lê Thánh Tông minh oan: *Ức Trai tâm thượng quang Khuê tảo* | | **1980** |   Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu và phiếu học tập, và nối đúng nội dung tương ứng giữa 2 cột.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  HS trả lời câu hỏi.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận  GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.  **\* Nhiệm vụ 2: GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số tác phẩm chính của Nguyễn Trãi.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên cho học sinh làm việc cá nhân, yêu cầu học sinh đọc SGK trang 7, liệt kê thể loại và tên một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Trãi.  B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc SGK và liệt kê  B3: Báo cáo thảo luận: học sinh trả lời cá nhân  B4: Kết luận, nhận định  **Nhiệm vụ 3:** **GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Trãi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV chia lớp thành 4 nhóm**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2  Họ tên (nhóm) : ……………………..  Lớp……………………………..   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1. **TÌM HIỂU VỀ NỘI DUNG THƠ VĂN NGUYỄN TRÃI** | | | | 1. **Tư tưởng nhân nghĩa (Nhóm 1)** | | | | Nhân nghĩa theo quan niệm của đạo Nho có nghĩa là gì? | Điều gì tạo nên giá trị đặc sắc trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi? | Dẫn chứng | | ………………………………………  ………………………… | …………………….…………..…………………………… | ……………………………………………………………… | | 1. **Tình yêu thiên nhiên và những ưu tư về thế sự (nhóm 2)** | | | | Em cảm nhận được gì về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua những bài thơ viết về thiên nhiên? | Đọc những vần thơ viết về nổi niềm thế sự, em hình dung như thế nào về con người tác giả? | Dẫn chứng | | ………………………………………………….... | …………………………………………………… | …………………………………………………… | | 1. **ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT (Nhóm 3)** | | | | Văn chính luận thể hiện sức tác động mạnh mẽ như thế nào? Những yếu tố nào làm nên sức mạnh đó? | Đặc sắc nghệ thuật của thơ chữ Hán? Lấy dẫn chứng. | Đặc sắc nghệ thuật của thơ chữ Nôm? Lấy dẫn chứng. | | ……………………………………… | ……………………………………… | ……………………………………… | | **Kết luận (nhận xét vị trí của Nguyễn Trãi trong nền văn học trung đại)** | | | | ……………………………………………………………………………………………………………………………….. | | | | **3.Hãy kể tên và giới thiệu ngắn gọn những tác phẩm, văn học nghệ thuật (tranh, ảnh, phim, thơ ca…) mà em biết nói về cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân Nguyễn Trãi? (Nhóm 4)** | | | | Gợi ý câu hỏi thảo luận giữa các nhóm:  -Tác phẩm đã lựa chọn đề tài gì, tập trung vào vấn đề gì?  - Tác phẩm giúp bạn hiểu thêm phương diện nào trong cuộc đời, sự nghiệp Nguyễn Trãi?  - Bạn thích/không thích điều gì trong tác phẩm này? | | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận, thống nhất ý kiến, ghi lại sản phẩm ra bảng phụ  GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * HS đại diện các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác phản hồi, nhận xét, bổ sung   **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức  GV tổ chức cho HS đánh giá chéo các nhóm dựa vào rubrics. | **III. TIỂU SỬ NGUYỄN TRÃI**  **1.Xuất thân:**  + Nguyễn Trãi (1380-1442)  +Quê quán: Làng Chi Ngại, Chí Linh, Hải Dương, nhưng lớn lên ở huyện Thường Tín, Hà Tây (nay là Hà Nội.  + Gia đình: có truyền thống yêu nước, văn hoá và văn học  **2. Những sự kiện chính trong cuộc đời:**  **-** 1400 Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh, cùng cha ra làm quan cho nhà Hồ.  - 1407 Nhà Hồ sụp đổ, giặc Minh xâm lược nước ta, cha ông bị bắt đưa sang Trung Quốc, khắc sâu lời dặn của cha “con trở về lập chí, rửa nhục cho nước trả thù cho cha như thế mới là đại hiếu”.  - Khoảng năm 1423, Nguyễn Trãi tìm đến Lê lợi dâng Bình Ngô sách.  - 1427, khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng, Nguyễn Trãi Thừa lệnh Lê Lợi viết Bình Ngô đại cáo.  - 1430 – 1437 triều đình ngày càng rối ren, gian thần lộng hành, trung thần bị sát hại, Nguyễn Trãi bị nghi tội sát hại các công thần, bị bắt giam, sau đó được thả nhưng không được tin dùng như trước.  - 1437, Ông cáo quan về ở ẩn tại Côn Sơn.  - 1440, vua Lê Thái Tông mời ông ra giúp việc nước (chủ khảo kì thi tiến sĩ)  - 1442, Nguyễn Trãi mang oan án Lệ Chi Viên nên bị kết án “tru di tam tộc”  - 1464 vua Lê Thánh Tông minh oan cho tìm lại con cháu và di sản thơ văn của Nguyễn Trãi  - Năm 1980, UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới  ► Nguyễn Trãi là bậc anh hùng nhà nhà văn hóa, quân sự, chính trị, ngoại giao, nhà thơ kiệt xuất.  **IV. SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC**  **1.Tác phẩm chính**  - Viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, với số lượng lớn, xuất sắc nhiều thể loại, kết tinh tài năng ở nhiều mặt  - Tác phẩm chính: SGK  **2. Nội dung thơ văn**  **a. Tư tương nhân nghĩa**  - Có nguồn gốc từ Nho giáo, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong thơ văn Nguyễn Trãi.  - Theo quan niệm của đạo Nho: Nhân nghĩa là mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người trên cơ sở tình thương và đạo lí.  - Nguyễn Trãi tiếp thu, chắt lọc một cách sáng tạo tư tưởng nhân nghĩa của nho giáo.  + Cốt lõi của tư tưởng nhân nghĩa của ông là lấy dân là gốc, phải gắn liền với lợi ích, sự bình an, ấm no của nhân dân và sự biết ơn dân.  “Vì dân lo trước, dạ khôn nguôi” (Mạn hứng, bài 2)  “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân  Quân điếu phạt trước lo trừ bạo” (Bình Ngô đại cáo)…  + Tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước của Nguyễn Trãi gắn liền với tư tưởng trung quân.  “Quân thân chưa báo lòng canh cánh  Tình phụ cơm trời áo cha” (Ngôn chí, bài 7).  **b. Tình yêu thiên nhiên và những ưu tư về thế sự.**  - Thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi rất đa dạng: Vừa mĩ lệ, vừa bình dị, gần gũi.  + Kình ngạc băm vằm non mấy khúc  Giáo gươm chìm gãy bãi bao tầng ***(Bạch Đằng hải khẩu)***  + Nước biếc non xanh, thuyền gối bãi,  Đêm thanh nguyệt bạc, khách lên lầu. (**Bảo kính cảnh giới, bài 26)**  -Ao cạn vớt bèo cấy muống  Đìa thanh phát cỏ ương sen (Thuật hứng, bài 24)  -> Tâm hồn tác giả: phong phú, tinh tế, nhạy cảm trước cái đẹp; nâng niu, trân trọng sự sống; phóng khoáng, lãng mạn, chan hoà với thiên nhiên, xem thiên nhiên như người bạn tri âm tri kỉ.…  - Nguyễn Trãi trĩu nặng ưu tư trước thế sự đen bạc, ông cay đắng, thất vọng, đau đớn trước thực tại bất công, ngang trái của xã hội:  “Phượng những tiếc cao, diều hãy liệng  Hoa thường hay héo, cỏ thường tươi” (Tự thuật, bài 9)  + Đối diện với thói đời đen bạc bằng tâm thế cứng cỏi, vững chãi, kiêu hãnh với triết lí sống thanh cao.  “Quê cũ nhà ta thiếu của nào   Rau trong nội, cá trong ao (Mạn thuật, bài 13)  ->Con người từng trải, thấu hiểu lẽ đời, nhìn rõ mặt trái của xã hội đương thời, chất chứa nhiều nỗi buồn thời thế nhưng luôn thể hiện tâm thế cứng cỏi, cốt cách, và khí tiết thanh cao.  ->Nhận xét: Nội dung thơ văn phong phú, đa dạng về đề tài, cảm hứng, giàu giá trị tư tưởng, đậm chất trữ tình.  **3. Đặc điểm nghệ thuật**  - **Văn chính luận:** đạt đến trình độ mẫu mực, góp phần làm nên sức mạnh “hơn mười vạn quân” của ngòi bút “viết thư, thảo hịch tài giỏi hơn hết mọi thời”.  + Hiểu thấu đối tượng, bối cảnh chính trị, các vấn đề thời sự có liên quan.  + Tạo dựng nền tảng chính nghĩa làm cơ sở vững chắc cho các lập luận.  + Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng xác thực; ngôn ngữ hàm súc; giọng điệu phong phú, linh hoạt, truyền cảm; kết hợp nhiều phương thức biểu đạt.  **-Thơ chữ Hán:** chủ yếu được sáng tác bằng thơ Đường luật, ngôn ngữ cô đúc, nghệ thuật tả cảnh, tả tình tinh tế tài hoa, trang nhã, hàm súc.  **Mộ xuân tức sự**  Nhàn trung tận nhật bế thư trai, Môn ngoại toàn vô tục khách lai. Ðỗ Vũ thanh trung xuân hướng lão, Nhất đình sơn vũ luyện hoa khai.”  **-Thơ chữ Nôm:** Được đánh giá là đỉnh cao của thơ tiếng Việt thời trung đại.  + Có ý thức sáng tạo một thể thơ riêng, chú ý Việt hoá đề tài, thi liệu mượn từ văn học Trung Quốc.  + Ngôn ngữ giản dị, đậm đà tính dân tộc sử dụng nhiều từ ngữ trong lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân.  ->Kết luận (vị trí): Thơ văn Nguyễn Trãi xứng đáng là tập đại thành, là tác gia có đóng góp đặc biệt quan trọng cho nền văn học trung đại Việt Nam nói riêng và nền văn học nước nhà nói chung.  **4**. **Những tác phẩm văn học nghệ thuật về cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân Nguyễn Trãi.**  **-** Nguyễn Trãi ở Đông Quan (kịch, Nguyễn Đình Thi);  - Vở chèo *Oan khuất một thời* (Nhà hát chèo Hà Nội, đạo diễn Doãn Hoàng Giang)  <https://www.youtube.com/watch?v=ygaCoS6MDHg>  - Sao Khuê lấp lánh (tiểu thuyết lịch sử, Nguyễn Đức Hiền);  - Nguyễn Thị Lộ (truyện ngắn, Nguyễn Huy Thiệp),  - Hào khí đất Lam Sơn, tập 5 (phim tài liệu, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hoá),… |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**

- Vận dụng kiến thức đã học về Nguyễn Trãi để thực hành viết đoạn văn giới thiệu một tác phẩm của ông.

**b. Nội dung**:

HS làm việc cá nhân, thực hiện viết đoạn văn 150 chữ

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn HS viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) giới thiệu về bài thơ “Cây chuối” của Nguyễn Trãi (có thể cho về nhà)

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

**Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn và dung lượng 150 chữ |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: giới thiệu về bài thơ “Cây chuối” của Nguyễn Trãi |  |
| **3** | Đoạn văn giới thiệu được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Cây chuối” |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp. |  |
| **5** | Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |
| **6** | Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: cách diễn đạt mới mẻ, giàu hình ảnh. |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm HS

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Củng cố kiến thức đã học về tác gia Nguyễn Trãi

**b. Nội dung**:

HS vẽ sơ đồ tư duy, thiết kế infographic về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Trãi.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm cá nhân của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

HS vẽ sơ đồ tư duy, thiết kế infographic về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Trãi, nộp sản phẩm lên padlet.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện tại nhà

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS vào link padlet của lớp nộp bài và nhận xét sản phẩm của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**-** GV nhận xét, kết luận

**IV. PHỤ LỤC**

**1.Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **HỌ TÊN (NHÓM)………………….**  **LỚP………………………………….**  **NỐI VỚI NHỮNG SỰ KIỆN TƯƠNG ỨNG VỀ CUỘC**  **ĐỜI, CON NGƯỜI NGUYỄN TRÃI TRONG HAI CỘT LẠI VỚI NHAU** | | |
| **NÉT CHÍNH VỀ CUỘC ĐỜI NGUYỄN TRÃI**  tac-gia-nguyen-trai | | |
| **NGUYỄN TRÃI (1380 – 1420)** | | |
|  | |  |
| **Quê quán** |  | Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh, cùng cha ra làm quan cho nhà Hồ. |
| **Gia đình** | Nguyễn Trãi tìm vào Lam Sơn dâng Bình Ngô sách, được Lê Lợi tin dùng và có đóng góp đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống quân Minh |
| Vụ án Lệ Chi Viên🡪 bị tru di tam tộc, thơ văn bị tiêu huỷ cấm đoán |
| **1400** | -Chí Linh, Hải Dương, nhưng lớn lên ở huyện Thường Tín, Hà Tây (nay là Hà Nội. |
| **1407** | -Có truyền thống yêu nước, văn hoá, văn học  + Cha Đỗ Phi Khang đỗ Thái Học sinh dưới triều Trần,  + Mẹ Trần Thị Thái con gái quan tư đồ Trần Nguyên Đán |
| **1423** | Khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng, Nguyễn Trãi Thừa lệnh Lê Lợi viết Bình Ngô đại cáo. |
| **1427** | Triều đình ngày càng rối ren, gian thần lộng hành, trung thần bị sát hại, Nguyễn Trãi bị nghi tội sát hại các công thần, bị bắt giam, sau đó được thả nhưng không được tin dùng như trước. |
| **1430 -1437** | Triều Hồ sụp đổ, giặc Minh xâm lược nước ta, cha ông bị bắt đưa sang Trung Quốc |
| **1437** | Vua Lê Thái Tông mời ông ta giúp nước |
| **1440** | Về ở ẩn tại Côn Sơn |
| **1442** |
| **1464** | UNESCO công nhận là : *Danh nhân văn hóa Thế giới.* |
| Vua Lê Thánh Tông minh oan: *Ức Trai tâm thượng quang Khuê tảo* |
| **1980** |

**2. Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2  D:\Downloads\soan-binh-ngo-dai-cao-1-2.jpg  Họ tên (nhóm) : ……………………..  Lớp……………………………..  D:\Downloads\grab1dd37leloi_nguyentrai.jpg | | |
| **1.TÌM HIỂU VỀ NỘI DUNG THƠ VĂN NGUYỄN TRÃI** | | |
| 1. **Tư tưởng nhân nghĩa (Nhóm 1)** | | |
| Nhân nghĩa theo quan niệm của đạo nho có nghĩa là gì? | Điều gì tạo nên giá trị đặc sắc trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi? | Dẫn chứng |
| ………………………………………….  ……………………. | …………………….…………..……………………………. | ……………………………………………………………………………………………… |
| 1. **Tình yêu thiên nhiên và những ưu tư về thế sự (nhóm 2)** | | |
| Em cảm nhận được gì về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua những bài thơ viết về thiên nhiên? | Đọc những vần thơ viết về nổi niềm thế sự, em hình dung như thế nào về con người tác giả> | Dẫn chứng |
| ……………………………………………………………… | ……………………………………………………………… | ……………………………………………………………………………………………… |
| **2. ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT (Nhóm 3)** | | |
| Văn chính luận thể hiện sức tác động mạnh mẽ như thế nào? Những yếu tố nào làm nên sức mạnh đó? | Đặc sắc nghệ thuật của thơ chữ Hán? | Đặc sắc nghệ thuật của thơ thơ chữ Nôm? |
| ……………………………………………………………… | ………………………………………………………………. | ……………………………………………………………………………………………… |
| **Kết luận (nhận xét vị trí của Nguyễn Trãi trong nền văn học Trung Đại)** | | |
| …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | | |
| 1. **Hãy kể tên những tác phẩm, văn học nghệ thuật mà em biết nói về cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân Nguyễn Trãi? (Nhóm 4)** | | |
| Gợi ý câu hỏi thảo luận giữa các nhóm:  -Tác phẩm đã lựa chọn đề tài gì, tập trung vào vấn đề gì?  - Tác phẩm giúp bạn hiểu thêm phương diện nào trong cuộc đời, sự nghiệp Nguyễn Trãi?  - Bạn thích/không thích điều gì trong tác phẩm này? | | |

3. ***Bảng kiểm đánh giá***

**Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: giới thiệu về bài thơ “Cây chuối” của Nguyễn Trãi |  |
| **3** | Đoạn văn giới thiệu được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Cây chuối” |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp. |  |
| **5** | Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |
| **6** | Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: cách diễn đạt mới mẻ, giàu hình ảnh. |  |

**4. Rubric đánh giá hoạt động nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Sản phẩm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Sản phẩm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Sản phẩm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **Tổng** |  | | |

**VĂN BẢN 2: BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO**

**(Đại cáo bình Ngô)**

**(3 tiết)**

**- Nguyễn Trãi -**

|  |
| --- |
| **MỤC TIÊU**  **1. Kiến thức**  - Bản anh hùng ca tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược gian khổ mà hào hùng của quân dân Đại Việt.  - Bản Tuyên ngôn Độc lập sáng chói tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước và khát vọng hoà bình.  - Nghệ thuật mang đậm tính chất sử thi, lí lẽ chặt chẽ, đanh thép, chứng cứ giàu sức thuyết phục.  **2. Năng lực**  **\*** **Năng lực đặc thù: Đọc, Nói, Nghe, Viết**  -Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm; nắm được hoàn cảnh sáng tác, nhận biết đề tài, bố cục  -Phân tích các giá trị nội dung và các đặc trưng cơ bản của thể cáo và đặc sắc nghê thuật của tác phẩm, những sáng tạo của Nguyễn Trãi.  -Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm  -Trình bày được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm  -Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp  -Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình, có thể trao đổi phản hồi  -Biết cảm nhận, triển khai thành một bài viết (nghị luận văn học) về luận đề chính nghĩa, chủ nghĩa yêu nướ qua bài cáo.  **\*Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề**  -Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý.  -Nắm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm.  -Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  -Niềm tự hào về truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc;  -Lòng yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam;  -Ý thức về trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1.HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**   * 1. **Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học   2. **Nội dung thực hiện**: * GV chuẩn bị câu hỏi khởi động: Em biết gì về Bản tuyên ngôn BNĐC?   Học sinh hoàn thành bảng K – W – L để tìm hiểu kiến thức về bản tuyên ngôn, tư tưởng, yêu nước, nhân nghĩa. | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Học sinh suy nghĩ và dự trù câu trả lời  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh hoàn thiện phiếu K – W – L  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết và mong muốn về bài học  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Tìm bản Tuyên ngôn Độc lập sáng chói tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước và khát vọng hoà bình. Nghệ thuật mang đậm tính chất sử thi, lí lẽ chặt chẽ, đanh thép, chứng cứ giàu sức thuyết phục | Phần chuẩn bị bài trình chiếu và phiếu của giáo viên.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **K**  **Điều con đã biết** | **W**  **Điều con muốn biết** | **L**  **Điều con mong muốn**  **biết thêm** | |  |  |  | |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| **Hoạt động 1: I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **a. Mục tiêu:** HS nắm những nét cơ bản về Nhan đề, Thể loại và bố cục, hoàn cảnh ra đời tác phẩm. **b. Nội dung:**Cá nhân tự nghiên cứu khi chuẩn bị bài ở nhà; trên lớp so sánh với bạn để kiểm tra nội dung chuẩn bị. 1.  Đại cáo Bình Ngô ra đời trong hoàn cảnh như thế nào? 2. Tác phẩm viết bằng thể loại nào? Đặc điểm cơ bản của thể loại đó? Bố cục của tác phẩm? 3. Giải thích nhan đề “Đại cáo bình Ngô”? *Phương pháp***:**làm việc cá nhân; phương pháp nêu và giải quyết vấn đề **c. Sản phẩm:**Những nét cơ bản về Nhan đề, Thể loại và bố cục, hoàn cảnh ra đời tác phẩm. **Phương án kiểm tra, đánh giá**: Đánh giá câu trả lời của HS **d.Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi:  - Tư cách phát ngôn của Nguyễn Trãi khi viết “Bình Ngô đại cáo”?  - Sự kiện lịch sử được tái hiện và bàn luận trong tác phẩm là gì? Đối tượng tác động và mục đích viết của bài cáo.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và hoàn thành  phiếu  Thời gian: .. phút  Chia sẻ: .. phút  Phản biện và trao đổi: … phút  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh làm việc cá nhân và trình bày nối tiếp.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về nội dung. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Hoàn cảnh ra đời:**  - Đầu năm 1428, sau khi dẹp xong giặc Minh, Lê Lợi lên ngôi vua, giao cho Nguyễn Trãi viết bài cáo để tuyên bố kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình cho đất nước.  **2. Thể loại**:  - Thể cáo, được viết bằng văn biền ngẫu.  - Cáo là thể văn hùng biện, do đó lời lẽ phải đanh thép, lí luận phải sắc bén, kết cấu phải chặt chẽ, mạch lạc.  **3. Nhan đề:**  - Giải nghĩa:  + Đại cáo: bài cáo lớn → dung lượng lớn.  → tính chất trọng đại.  + Bình: dẹp yên, bình định, ổn định.  + Ngô: giặc Minh.  - Ý nghĩa: Bài cáo quan trọng ban bố về việc dẹp yên giặc Ngô. |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** | |
| **2.1. Đọc văn bản**  **a. Mục tiêu:**  - HS xác định được bố cục của văn bản  - HS biết sử dụng các chiến lược trong khi học.  - HS lí giải được các từ ngữ khó trong văn bản.  **b. Nội dung:**  - HS đọc thành tiếng một số đoạn trong văn bản.  - HS đọc thầm và nghiên cứu văn bản.  **c. Sản phẩm:** Ghi chú trong văn bản.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. GV giao nhiệm vụ học tập**: đọc thành tiếng VB.  **Bước 2.** HS đọc nối tiếp VB, thực hiện các nhiệm vụ trong khi đọc, xác định bố cục văn bản.  **Bước 3.** HS thảo luận về cách phân chia tác phẩm. | - Bố cục:  Phần 1: từ đầu đến “chứng cớ còn ghi” : Nêu luận đề chính nghĩa.  Phần 2: tiếp đến “Ai bảo thần dân chịu được” : Tố cáo, lên án tội ác của giặc Minh.  Phần 3: tiếp đến “Cũng là chưa thấy xưa nay” : Sức mạnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.  Phần 4: còn lại: Tuyên bố chiến quả, khẳng định sự nghiệp chính nghĩa. |
| **2.2. Khám phá văn bản** | |
| **1. Đoạn 1: Luận đề chính nghĩa** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nêu được tư tưởng nhân nghĩa, quan niệm về quốc gia độc lập.  - Phân tích được giá trị nghệ thuật của đoạn 1 văn bản;  **b. Nội dung:**   * Xác định luận đề của văn bản. * Câu văn nào trong đoạn 1 thể hiện rõ nhất mục đích của việc thực thi lí tưởng nhân nghĩa?   **c. Sản phẩm:** Kết quả phiếu học tập  Phương án kiểm tra, đánh giá**:** Đánh giá kết quả hoạt động nhóm của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc văn bản kèm chú thích.  - Hoạt động nhóm đôi: HS nghiên cứu văn bản và trả lời các câu hỏi gợi mở của GV:  + Khái quát nội dung của đoạn văn và cho biết chức năng của đoạn văn trong mạch lập luận.  + Nguyễn Trãi đã sử dụng những nghệ thuật lập luận nào để thể hiện quan điểm, tư tưởng?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh hoàn thành phiếu  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu  **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản.  - GV bình luận, mở rộng: Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân”, “trừ bạo”. Yên dân cho dân được an hưởng thái bình, hạnh phúc. Muốn yên dân thì phải trừ diệt mọi thế lực bạo tàn. Đặt trong hoàn cảnh Nguyễn Trãi viết Bình Ngô đại cáo thì người dân mà tác giả nói tới là người dân Đại Việt đang bị xâm lược, còn kẻ thù tàn bạo chính là giặc Minh cướp nước. Đây là nội dung mới, là sự phát triển của tư tưởng nhân nghĩa ở Nguyễn Trãi so với Nho giáo.  - GV bình: – Người đời sau vẫn xem quan niệm của Nguyễn Trãi là sự kết tinh học thuyết về quốc gia, dân tộc. So với thời Lý học thuyết đó phát triển cao hơn bởi tính toàn diện và sâu sắc của nó.  + Toàn diện vì ý thức về dân tộc trong : Nam quốc sơn hà được xác định chủ yếu trên hai yếu tố : lãnh thổ và chủ quyền, còn đến Bình Ngô đại cáo, ba yếu tố nữa được bổ sung : văn hiến, phong tục tập quán, lịch sử.  + Sâu sắc vì trong quan niệm về dân tộc, Nguyễn Trãi đã ý thức được “văn hiến”, truyền thống lịch sử là yếu tố cơ bản nhất là hạt nhân để xác định dân tộc. | **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**  **1. Đoạn 1: Luận đề chính nghĩa**  **a. Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi**  - Khái niệm tư tưởng nhân nghĩa:  + Theo quan niệm của đạo Nho:   * Nhân nghĩa là mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người trên cơ sở tình thương và đạo lí. * Nhân nghĩa cũng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN   + Theo quan điểm của Nguyễn Trãi: nhân nghĩa chủ yếu để yên dân và trừ bạo  → Đây là tư tưởng mới mẻ với quan điểm lấy dân làm gốc. Nhân nghĩa là mối quan hệ giữa vua với dân, vua lấy sự an yên của dân làm gốc.  - Vai trò của việc bày tỏ tư tưởng:  + Là cơ sở để bóc trần luận điệu xảo trá của giặc Minh (phù Trần diệt Hồ giúp Đại Việt).  + Khẳng định lập trường chính nghĩa của nước ta và tính chất phi nghĩa của kẻ thù xâm lược.  **b**. **Quan niệm về quốc gia độc lập:**  - Nguyễn Trãi đưa ra những yếu tố căn bản để xác định độc lập, chủ quyền của dân tộc:  + “Núi sông bờ cõi đã chia”: Cương vực lãnh thổ  + “Vốn xưng nền văn hiến đã lâu”: Nền văn hiến lâu đời.  + “Phong tục Bắc Nam cũng khác”: Phong tục tập quán,  + Lịch sử riêng, chế độ riêng.  + Hào kiệt: đời nào cũng có.  - Với những yếu tố căn bản này, Nguyễn Trãi đã phát triển một cách hoàn chỉnh quan niệm về quốc gia, dân tộc.  **c. Nghệ thuật**  - Các từ “từ trước”, “vốn có”, “đã lâu”, “đã chia”, “cũng khác”: khẳng định sự tồn tại hiển nhiên, vốn có, lâu đời của một nước Đại Việt độc lập, có chủ quyền và văn hiến.  - Sử dụng biện pháp so sánh: so sánh ta với Trung Quốc, đặt ta ngang hàng với Trung Quốc, ngang hàng về trình độ chính trị, tổ chức chế độ, quản lí quốc gia (Triệu, Đinh, Lý, Trần ngang hàng với Hán, Đường, Tống, Nguyên).  - Câu văn biền ngẫu cân xứng, nhịp nhàng.  - Cách lập luận kết hợp hài hòa giữa lí luận và thực tiễn: sau khi nêu nguyên lí nhân nghĩa, nêu chân lí khách quan. |
| **2. Đoạn 2: Bản cáo trạng tội ác của giặc Minh** | |
| **a. Mục tiêu**:  HS hiểu được âm mưu, tội ác của kẻ thù; lập trường của tác giả; các thủ pháp nghệ thuật. **b.Nội dung**:   **Phương pháp:**HS đọc sáng tạo; HS làm việc theo cặp đôi. **Phương án kiểm tra đánh giá:** Căn cứ vào phần thực hiện của HS: GV nhận xét việc HĐ của HS. **c.Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm (3 nhóm) thực hiện 3 nhiệm vụ: 1. Nguyễn Trãi đã tố cáo những tội ác nào của giặc Minh?  2. Tác giả đứng trên lập trường, thái độ như thế nào?  3. Nghệ thuật viết cáo trạng của tác giả?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **- Học sinh làm việc nhóm.**  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh sắp xếp lớp  **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản. | **2. Đoạn 2: Tội ác của giặc Minh**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Âm mưu và tội ác của kẻ thù** | **Lập trường, thái độ của tác giả** | **Nghệ thuật viết cáo trạng** | | -Vạch trần luận điệu bịp bợm “phù Trần diệt Hồ” để thừa cơ xâm lược nước ta. – Tố cáo chủ trương, chính sách cai trị vô nhân đạo, vô cùng hà khắc của kẻ thù: – Tàn sát người vô tội – Bóc lột tàn tệ, dã man | – Nguyễn Trãi đứng trên đại lập trường dân tộc, nhân bản, chính nghĩa. – Thái độ: Căm thù, thương xót. | + Dùng hình tượng để diễn tả tội ác của kẻ thù + Đối lập: + Phóng đại + Câu hỏi tu từ. + Giọng điệu: uất hận trào sôi, cảm thương tha thiết, nghẹn ngào đến tấm tức. + Chứng cứ đầy sức thuyết phục, lời văn gan ruột thống thiết. | |
| **3. Đoạn 3: Sức mạnh của nghĩa quân Lam Sơn** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Tìm hiểu cách tổng kết chiến tranh trong bài cáo.  - Phân tích được giá trị nghệ thuật của đoạn 3 văn bản;  **b. Nội dung**:   * Giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa diễn ra như thế nào? * Giai đoạn phản công của ta dẫn đến thắng lợi diễn biến như thế nào? * Nghệ thuật miêu tả trận đánh?    Phương thức thực hiện**:** Hoạt động cá nhân, nhóm; Dựa trên phương pháp nêu và giải quyết vấn đề.  **c. Sản phẩm:** Kết quả hoạt động nhóm thể hiện trong phiếu bài tập  Phương án kiểm tra, đánh giá**:** Đánh giá kết quả hoạt động nhóm của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận, phát phiếu học tập có ghi câu hỏi hướng dẫn phân tích  ***Nhóm 1:*** *Giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn được tác giả tái hiện như thế nào?*  ***Nhóm 2:*** *Tác giả nhằm vào những loại trận ở mấy giai đoạn, mỗi loại có đặc điểm gì nổi bật?*  ***Nhóm 3:*** *Phân tích những biện pháp nghệ thuật miêu tả thế chiến thắng của quân ta và sự thất bại của quân giặc.*  ***Nhóm 4:*** *Phân tích tính chất hùng tráng của đoạn văn được gợi lên từ ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu câu văn.*  **Bước 2.** **Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách đọc , ghi lại từ ngữ quan trọng, trao đổi, thảo luận, ghi chép câu trả lời.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**: HS đại diện 1 nhóm trả lời. Nhóm HS khác lắng nghe, đối chiếu, bổ sung  **Bước 4.**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt kiến thức**: Nhóm HS tự đánh giá, các nhóm đánh giá lẫn nhau.  GV bổ sung, kết luận, chốt kiến thức.  Khi tái hiện giai đoạn phản công thắng lợi, bài cáo miêu tả bức tranh toàn cảnh cuộc khởi nghĩa Lam Sơn:  *GV: Quá trình kháng chiến và chiến thắng : hình ảnh đạo quân nhân nghĩa từ dân mà ra, vì dân mà chiến đấu, chiến đấu bằng sức mạnh của dân mà nổi bật là hình ảnh lãnh tụ nghĩa quân Lam Sơn với những đặc điểm của người anh hùng mang đầy đủ phẩm chất và sức mạnh của cộng đồng trong cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh.* | **3. Đoạn 3: Quá trình kháng chiến :**  ***a. Giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa***  - Giới thiệu hình ảnh người lãnh tụ, linh hồn cuộc kháng chiến, tiêu biểu cho ý chí quyết tâm của cả dân tộc ta :  + Xưng hô khiêm nhường  + Căm thù giặc sâu sắc  + Có hoài bão ,lý tưởng lớn  + Có quyết tâm thực hiện lý tưởng  - Bước đầu có những khó khăn :  + Lúc cuộc khởi nghĩa nổ ra thì không tương quan lực lượng : Chính lúc quân thù đương mạnh  + Thiếu nhân tài :” *Nhân tài như lá mùa thu ,Tuấn kiệt như sao buổi sớm “*  + Thiếu lương thực : *Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần ,khi Khôi Huyện quân không một đội*  - Ta có thuận lợi :  + Sức mạnh đoàn kết toàn dân, toàn quân. Câu văn biền ngẫu gợi không khí tưng bừng náó nức *“ Nhân dân bốn cõi một nhà ….tướng sĩ một lòng …..’*  + *Có chiến lược ,chiến thuật phù hợp ,linh hoạt : Khi Xuất kỳ ,khi mai phục ,lấy đại nghĩa ,chí nhân để thay hung tàn ,cường bạo* .  → Người anh hùng Lê Lợi tiêu biểu cho ý chí, tinh thần yêu nước của dân tộc ,sức mạnh đó chính là động lực cho Lê Lợi vượt qua tất cả để chiến thắng quân thù.  ***b- Giai đoạn phản công - Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa***  - Những trận tiến quân ra Bắc: *Trận Tây Kinh, Đông Đô, Ninh Kiều, Tốt Động.*  - Chiến dịch diệt chi viện: *Trận Chi Lăng, Mã Yên, Xương Giang.*  **\* Nghệ thuật miêu tả các trận đánh:**  + Sử dụng nhiều động từ mạnh, nhiều hình ảnh phóng đại, lối so sánh với những hình tượng thiên nhiên lớn lao kì vĩ.  + Lối liệt kê liên tiếp nhiều dẫn chứng cụ thể, lối kết hợp những câu văn khi dài, khi ngắn biến hoá linh hoạt, tạo giọng điệu mạnh mẽ, dồn dập, giàu cảm hứng anh hùng ca.  **+ Ta** :  \_ Hình tượng phong phú đa dạng: đo bằng sự rộng lớn kỳ vĩ của thiên nhiên : “ *sấm vang ,chớp giật “ Trúc chẽ tro bay “ sạch không kình ngạc ,tan tác chim muông trút* *sạch lá khô phá toang đê vỡ.* Sức mạnh : *đá núi phải mòn, nước sông phải cạn*  \_ Về ngôn ngữ: các động từ mạnh lien kết tạo thành sự rung chuyển dữ dội ,các tính từ chỉ mức độ cao tạo thành hai mảng ta địch khác nhau  \_ Câu văn : Khi dài khi ngắn biến hóa linh hoạt  \_ Âm điệu : Dồn dập ,hào hùng ,như những con song hết lớp này đến lớp khác  + **Kẻ địch** :  \_Bị động ,đối phó thất thế : “ *Gỡ thế nguy ,cứu trận đánh ,bó tay đợi bại vong ,trí cùng lực kiệt ….*  \_ Bạc nhươc sụp đổ về tinh thần ,thảm hại : *nghe hơi mà mất vía ,nín thở cầu thoát thân ,phải bêu đầu bỏ mạng ,thất thế cụt đầu ,bại trận tử vong …*  \_ Thất bại nhục nhã : *Cởi giáp ra hang ,lê gối dâng tờ tạ tội ,vẫy đuôi xin cứu mạng ..hồn bay phách lạc …tim đập chân run*  *→* Hình tượng kẻ thù nhục nhã thảm bại càng tăng thêm hào khí anh hùng của dân tộc, kẻ thù được tha về nước đã làm nổi bật tính chất chính nghĩa, nhân đạo sáng ngời của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. |
| **4. Đoạn 4: Tuyên bố chiến quả, khẳng định sự nghiệp chính nghĩa**. | |
| **a. Mục tiêu**:  - HS hiểu được ý nghĩa chân chính của tuyên bố về nền độc lập hoà bình của nước Đại Việt.  - Phân tích được giá trị nghệ thuật của đoạn 4 văn bản;  **b. Nội dung:**   * Lời tuyên bố chiến quả cuối bài cáo có giọng điệu như thế nào? * Ý nghĩa, bài học lịch sử sau đại thắng quân Minh?    Phương thức thực hiện**:** Hoạt động cá nhân; Dựa trên phương pháp nêu và giải quyết vấn đề.  **c. Sản phẩm:** Kết quả trả lời nhanh trên giấy A4  Phương án kiểm tra, đánh giá**:** Đánh giá kết quả hoạt động cá nhân của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**: GV yêu cầu HS đọc SGK tr….., trả lời các câu hỏi sau bằng cách ghi vào giấy A4.  *- Giọng văn có gì khác với những đoạn trên?*  *- Theo anh (chị) có những bài học lịch sử nào? Ý nghĩa lịch sử đối với chúng ta ngày nay?*  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân, cặp đôi  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**: HS trình bày kiến thức  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt kiến thức**: GV trực tiếp phân tích, nhận xét, đánh giá  *GV: Lời tuyên ngôn độc lập và hoà bình trang trọng, hùng hồn trong không gian, thời gian mang chiều kích vũ trụ vĩnh hằng.* | **4. Đoạn 4: Tuyên bố chiến quả, khẳng định sự nghiệp chính nghĩa.**  - Giọng văn: trang nghiêm, trịnh trọng.  →Tuyên bố khẳng định với toàn dân về nên độc lập dân tộc, chủ quyền đất nước đã được lập lại.  - Bài học lịch sử: Chiến thắng kẻ thù tất yếu là nhờ kết hợp giữa sức mạnh truyền thống và sức mạnh thời đại.  → Ý nghĩa lâu dài với công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc. |
| **5. Tổng kết nội dung và nghệ thuật bài Cáo** | |
| **a. Mục tiêu**: Khái quát vấn đề đã học  **b. Nội dung**: Củng cố, tổng kết nội dung của cả bài   Phương thức thực hiện**:** Hoạt động cá nhân, cặp đôi; Dựa trên phương pháp nêu và giải quyết vấn đề.  **c. Sản phẩm:** Kết quả trả lời nhanh trên giấy A4  Phương án kiểm tra, đánh giá**:** Đánh giá kết quả hoạt động cá nhân của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc SGK tr….., trả lời câu hỏi sau bằng cách ghi vào giấy A4.  - Nhận xét chung về nội dung - nghệ thuật?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân, cặp đôi  **Bước 3. Báo cáo kết quả**  HS trình bày kiến thức  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt kiến thức**: GV trực tiếp phân tích, nhận xét, đánh giá | **III. Tổng kết:**  **1) Nghệ thuật**  - Bút pháp anh hùng ca đậm tính chất sử thi với các thủ pháp nghệ thuật so sánh, tương phản, liệt kê…  - Giọng văn biến hoá linh hoạt, hình ảnh sinh động, hoành tráng.  **2) Ý nghĩa văn bản*:*** Bản anh hùng ca tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, gian khổ mà hào hùng của quân dân Đại Việt ; bản Tuyên ngôn Độc lập sáng chói tư tưởng nhân nghĩa yêu nước và khát vọng hoà bình. |
| **3.HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** | |
| **a. Mục tiêu**: Khái quát, vận dụng vấn đề đã học  **b. Nhiệm vụ**: Củng cố, tổng kết nội dung của cả bài   Phương thức thực hiện**:** Hoạt động cá nhân, cặp đôi; Dựa trên phương pháp nêu và giải quyết vấn đề.  **c. Sản phẩm:**    Phương án kiểm tra, đánh giá**:** Đánh giá kết quả hoạt động cá nhân của học sinh.  **d. Tiến trình thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Câu 1: …là thể văn nghị luận có từ thời cổ ở Trung Quốc, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương, một sự nghiệp, tuyên ngôn một sự kiện để mọi người cùng biết.  Đó là định nghĩa về:  a. Hịch; b. Phú; c. Cáo; d. Chiếu  Câu 2: Nhận định nào sau đây không chính xác về nghệ thuật của thể loại cáo?  a. Lời lẽ đanh thép, lí luận sắc bén.  b. Không có đối.  c. Kết cấu chặt chẽ, mạch lạc.  d. Giọng điệu linh hoạt.  Câu 3: Hãy chỉ ra điểm nổi bật trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi được thể hiện trong hai câu sau?  “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân  Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”  Câu 4: Hãy lập sơ đồ khái quát trình tự lập luận trong đoạn 1 của văn bản ?( Làm ở nhà)  + Học sinh làm việc cá nhân 1,2,3, câu 4 HS làm việc ở nhà, GV chia 4 nhóm, chọn nhóm tốt nhất cho điểm.  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Đại diện nhóm trình bày** [1]=’c’;  [2]=’b’; [3] Điểm nổi bật trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi: nhân nghĩa là yên dân trừ bạo [4] Sơ đồ 1 |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG** | |
| **a. Mục tiêu**: Kết nối bài học với cuộc sống  **b. Nội dung**: HS làm dự án về biểu hiện của lòng yêu nước.  **c. Sản phẩm:** Dự án của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  + Làm việc nhóm.  + Tìm tìm hiểu 1 hành động trong 1 lĩnh vực bất kì để thể hiện tình yêu nước.  Ví dụ: Du lịch Việt Nam - xanh, sạch, đẹp (đội tình nguyện viên dọn rác ở khu du lịch). Hình ảnh, thông tin thu thập dc sẽ dc trưng bày tại lớp  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  + HS làm việc ở nhà,  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  vào tiết sau.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | Các nhóm trình bày và thuyết minh về sản phẩm dự án của nhóm, đồng thời rút ra bài học nhận thức và hành động. |

**VĂN BẢN 3**

**BẢO KÍNH CẢNH GIỚI (1 tiết)**

**(Gương báu răn mình)**

**(Bài 43)**

**- Nguyễn Trãi -**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài *Bảo kính cảnh giới*.

**-** Đặc điểm của thể loại thơ Nôm Đường luật của Nguyễn Trãi.

**2. Năng lực**

**-** HS nhận biết được đặc điểm hình thức của thể loại thơ Nôm Đường luật và nội dung của chùm thơ *Bảo kính cảnh giới*.

- HS nhận biết và phân tích được giá trị nội dung, đặc sắc nghệ thuật của bài thơ *Bảo kính cảnh giới* (bài 43). Từ đó, biết cách đọc hiểu một bài thơ Nôm Đường luật.

- HS hiểu được tầm vóc tư tưởng, vẻ đẹp tâm hồn của tác giả thể hiện trong bài thơ.

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm thơ trữ tình trung đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác phẩm thơ trữ tình trung đại Việt Nam.

- Năng lực tự học, tạo lập văn bản nghị luận**.**

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, đất nước, tình cảm gắn bó với cuộc sống của người dân.

**-** Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính bàn, laptop,

**2. Học liệu:** Hình ảnh,bài giảng điện tử, Sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo điện tử

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra:** Thực hiện trong phần khởi động

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:**

**-** Khơi gợi sự hiểu biết đã có về thể loại thơ Nôm Đường luật

- Định hướng đến nội dung của bài học

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi

HS kể tên một số bài thơ Đường luật đã học (ở CT Ngữ văn THCS và Bài 2 – Vẻ đẹp của thơ ca, SGK Ngữ văn 10, tập một); chỉ ra đặc điểm hình thức của thể thơ (số tiếng trên một dòng, số câu trong một bài, quy định về niêm, luật,...).

**c. Sản phẩm:**

- Một số bài thơ Đường luật đã học : Bạn đến chơi nhà (Nguyễn Khuyến); Qua đèo Ngang (Bà huyện Thanh Quan); Bánh trôi nước (Hồ Xuân Hương) …

- Đặc điểm hình thức của thể thơ Thất ngôn Đường luật:

+ số tiếng trên một dòng: 7 tiếng,

+ số câu trong một bài (8 câu – bát cú. 4 câu – tứ tuyệt) ,

+ Gieo vần ở cuối câu 1,2,4,6,8 (với thể thất ngôn bát cú) và cuối câu 1,2,4 (với thể thất ngôn tứ tuyệt).

+ Với thể thất ngôn bát cú, câu 3 và câu 4 thường đối nhau, câu 5 và câu 6 thường đối nhau, tiếng thứ 2, 4, 6 niêm với nhau

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

HS trả lời câu hỏi

*- Kể tên một số bài thơ Đường luật đã học (ở CT Ngữ văn THCS và Bài 2 – Vẻ đẹp của thơ ca, SGK Ngữ văn 10, tập một);*

*- Chỉ ra đặc điểm hình thức của thể thơ (số tiếng trên một dòng, số câu trong một bài, quy định về niêm, luật,...).*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thảo luận nhóm theo bàn

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS báo cáo kết quả, thảo luận, nhận xét

**B4: Kết luận, nhận định**

GV nhậnxét, đánh giá

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác phẩm**

**a. Mục tiêu:**

HS tìm hiểu tri thức công cụ phục vụ cho hoạt động đọc: thông tin về chùm thơ, đặc điểm của thơ Đường luật

**b. Nội dung:** HS trình bàytri thức về chùm thơ *Bảo kính cảnh giới*, thơ Nôm Đường luật

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Nhiệm vụ 1:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

HS hoàn thành phiếu học tập số 1

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh thảo luận cặp đôi

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS phát biểu, thảo luận

**B4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá, kết luận,

|  |
| --- |
| **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Thơ Nôm Đường luật***  - Là loại thơ được sáng tác theo thể Đường luật, viết bằng chữ Nôm, hình thành vào thế kỉ XIII  - Đặc điểm:  + sáng tạo dựa trên mô hình chữ Nôm.  + cách tân về đề tài, thi liệu, cảm hứng, bút pháp, ngôn ngữ thơ.  + có sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố Nôm (đề tài, chủ đề hướng tới những vấn đề của đất nước, dân tộc; ngôn ngữ - chữ Nôm; từ ngữ giản dị, thuần Việt, thể thơ thất ngôn xen lục ngôn …) và yếu tố Đường luật (đề tài, chủ đề hướng tới những quan niệm, phạm trù Nho giáo, Đạo giáo; dùng từ Hán Việt, sử dụng điển cố, điển tích, hình ảnh tao nhã, mang tính quy phạm về luật bằng trăc, niêm …).  - Thành tựu:  + dòng văn học viết tiếng Việt chính thức xuất hiện, tồn tại, phát triển so9ng hành cùng dòng văn học chữ Hán.  + góp phần quan trọng vào việc tạo nên diện mạo của nền thơ trung đại Việt Nam.  ***2. Chùm thơ Bảo kính cảnh giới***  - gồm 61 bài trong tập Quốc âm thi tập (254 bài)  - Nội dung:  + giáo huấn, những trăn trở, suy tư về thế sự  + những khoảng khắc thư nhàn, hòa mình với thiên nhiên, cuộc sống nơi thôn dã  - Chùm thơ thể hiện tư tưởng, nhân cách của bậc hiền lương và vẻ đẹp phong phú của tâm hồn nghệ sĩ. |

**Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS xác định được thể loại, bố cục, nội dung, nghệ thuật của bài thơ

- HS càm nhận, phân tích, nhận xét về từ ngữ, hình ảnh cũng như vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả.

**b. Nội dung**

HS hoàn thành các câu hỏi, phiếu học tập

**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS, phiếu học tập đã hoàn thiện

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đưa ra các câu hỏi, phiếu học tập

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân/thảo luận nhóm

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**B4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, kết luận

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Hướng dẫn HS tìm hiểu thể loại, bố cục của bài thơ**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Câu hỏi số 1. Xác định thể loại, nêu bố cục của bài thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận  Mô hình kết cấu của 1 bài thơ Đường luật thường là 2/2/2/2; 4/4; 6/2  **2. Hướng dẫn HS tìm hiểu câu thơ mở đầu**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi Câu thơ mở đầu cho biết điều gì về cuộc sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình? (chú ý các từ ngữ (“rồi”, “ngày trường”, “hóng mát”)  Câu thơ lục ngôn thứ nhất mở đầu bài thơ có tác dụng nhấn mạnh điều gì trong cuộc sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận  **3. Hướng dẫn HS tìm hiểu 5 câu tiếp theo: Vẻ đẹp của thiên nhiên**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh được tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc mùa hè. Từ đó, chỉ ra những nét đặc sắc trong cách cảm nhận thiên nhiên và bút pháp tả cảnh của tác giả.   * Từ ngữ chỉ màu sắc? * Chi tiết, hình ảnh, âm thanh?   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm, thời gian 5p  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận    **4. Hướng dẫn HS tìm hiểu bức tranh cuộc sống ngày hè**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi Cuộc sống của con người được nhà thơ tái hiện qua những âm thanh, hình ảnh nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận cặp đôi  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận  **5. Hướng dẫn HS tìm hiểu ước nguyện của nhân vật trữ tình**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi Phân tích mối liên hệ giữa khung cảnh cuộc sống con người với ước nguyện của nhân vật trữ tình trong hai câu thơ cuối.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm theo bàn  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận  **5. Hướng dẫn HS Vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi *Đọc bài thơ, bạn cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Thể loại, bố cục của bài thơ**  - Thể loại bài thơ: Thất ngôn xen lục ngôn.  - Bố cục: Chia làm 2 phần:  + sáu dòng đầu miêu tả bức tranh cuộc sống  + hai dòng cuối thể hiện tâm tư, ước nguyện của nhà thơ.    **2. Bức tranh cuộc sống (6 câu thơ đầu)**  **a. Câu thơ mở đầu: Cuộc sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình**  - Thời gian: “rồi” – rỗi rãi, thư nhàn  - Không gian: “ngày trường” – ngày dài  - Hành động: “hóng mát”  - Câu thơ lục ngôn, ngắt nhịp 1/2/3  => Cuộc sống thanh nhàn, rỗi rãi thong dong tự tại, tâm trạng thư thái của nhân vật trữ tình.  ( khoảng thời gian hiếm hoi ít ỏi trong cuộc đời con người “thân” ko nhàn mà “tâm” cũng ko nhàn)  **b.** **5 câu tiếp theo: Vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống ngày hè**  **\* Vẻ đẹp thiên nhiên**  - Từ ngữ chỉ màu sắc: “lục”, “đỏ”, “hồng” -> gam màu tươi tắn, rực rỡ  - Các chi tiết miêu tả hình ảnh: tán hoè (“đùn đùn”, “tán rợp trương”), hoa lựu (“phun thức đỏ”), ao sen (“hồng liên trì”, “tịn mùi hương”)  - Hình ảnh cây hoè: được miêu tả với màu “lục”, tán cây “đùn đùn” – gợi vẻ đẹp của vòm lá xanh tươi, bừng bừng sức sống; “rợp trương” như chiếc ô màu xanh, cành nhánh lớn lên từng giây phút, đổi thay “trông thấy”.  - Hình ảnh hoa lựu: tín hiệu đặc trưng của mùa hè, căng tràn nhựa sống, bật lên thành “thức đỏ” rực rỡ nơi đầu cành.  - Hình ảnh ao sen: dẫu cuối mùa vẫn gợi liên tưởng về một không gian thanh khiết.  => bức tranh thiên nhiên tươi sáng, tràn đầy sức sống  \* N**ét đặc sắc trong cách cảm nhận thiên nhiên và bút pháp tả cảnh của tác giả**.  - Sử dụng những hình ảnh, màu sắc đặc trưng của màu hè  - Sử dụng những động từ mạnh “đùn đùn”, “giương”, “phun”, tính từ “tiễn” để diễn tả sức sống của cảnh vật.  => **Cách nhìn, cách cảm nhận thiên nhiên độc đáo**: Thiên nhiên đã trở thành khách thể thẩm mĩ, được quan sát, khám phá bằng nhiều giác quan, luôn nhấn mạnh sự vận động,…  => **Cách tái hiện hình tượng thiên nhiên**: nghiêng về bút pháp **tả thực**; màu sắc và đường nét táo bạo, sống động (khác với bút pháp chấm phá, màu sắc thanh đạm, đường nét hài hoà,… thường gặp trong thơ cổ).  **\* Bức tranh cuộc sống:**  **-** Âm thanh của phiên chợ cá nơi làng chài, tiếng ve vang lên rộn rã trong buổi hoàng hôn gợi nhịp sống thanh bình, yên ấm.  **-** Tiếng đàn ve “dắng dỏi” khiến lầu tịch dương vốn im vắng, tĩnh lặng bỗng trở nên rộn rã, tươi vui,…  -> bức tranh của chiều quê thanh bình, no ấm.  - Nghệ thuật: đối, đảo ngữ, từ láy.  => tác giả có sự giao cảm mạnh mẽ và tinh tế với thiên nhiên cảnh vật và cuộc sống con người.  => Đó là bức tranh sinh động có sự kết hợp hài hòa : đường nét, màu sắc, âm thanh, cảnh vật, con người.  => Bức tranh thiên nhiên, cuộc sống được miêu tả vào thời điểm cuối ngày nhưng sự sống ko ngừng lại. Thiên nhiên vẫn vận động với một nguồn sống dồi dào, mãnh liệt.  => Tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu cuộc sống tha thiết của nhà thơ.  **3. Ước nguyện của nhân vật trữ tình**  - Bức tranh cuộc sống nhộn nhịp, cảnh sống sung túc, ấm no, đủ đầy của con người, tương đồng với lý tưởng, ước nguyện của Nguyễn Trãi  - Ước nguyện của nhà thơ: “Lẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,/ Dân giàu đủ khắp đòi phương.”.  + khát vọng về một **cuộc sống no đủ**, bình yên cho mọi người **dân ở khắp mọi nơi**  + là giấc mơ về một xã hội lí tưởng  - Nghệ thuật thể hiện:  + Sử dụng điển tích  + Câu thơ lục ngôn với nhịp 3/3/ngắn gọn dứt khoát thể hiện sự dồn nén cảm xúc của bài thơ  => điểm kết tụ của hồn thơ Ức Trai không phải ở thiên nhiên tạo vật mà ở chính **cuộc sống con người,** ở nhân dân  \* **Vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả:**  - Tâm hồn tinh tế, rộng mở, tràn đầy sức sống; nâng niu, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống.  - Tư tưởng yêu nước, thương dân thường trực trong con người Nguyễn Trãi; dạt dào và mãnh liệt ngay cả trong những thời khắc nhà thơ có thể sống an nhàn, thư thái, cho riêng bản thân mình. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b. Nội dung: Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm**

***Câu 1: Dòng nào dưới dây thể hiện đầy đủ nhất nội dung bài thơ “Cảnh ngày hè” ?***

A- Bài thơ miêu tả bức tranh ngày hè tĩnh lặng, qua đó thể hiện tâm trạng buồn chán chốn quan trường của Nguyễn Trãi.

B- Bài thơ miêu tả bức tranh ngày hè tĩnh lặng, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên và lòng yêu nước thầm kín của Nguyễn Trãi.

**C- Bài thơ miêu tả bức tranh ngày hè tràn đầy sức sống, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và tấm lòng vì dân vì nước của Nguyễn Trãi.**

D- Bài thơ miêu tả bức tranh trưa hè tràn đầy sức sống, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên và lòng yêu nước thầm kín của Nguyễn Trãi.

Câu 2: Nhận định nào dưới dây thể hiện đầy đủ nhất nghệ thuật đặc sắc của thơ “Cảnh ngày hè” ?

A- Bài thơ sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, ngôn từ tả cảnh ngụ tình, nghệ thuật nhân hoá, điển tích, từ láy tinh tế và tự nhiên

**B- Bài thơ sử dụng thể thơ thất ngôn xen lục ngôn, ngôn từ tả cảnh ngụ tình, nghệ thuật đối, điển tích, từ láy tinh tế và tự nhiên**

C- Bài thơ sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú, ngôn từ tả cảnh ngụ tình, nghệ thuật hoán dụ, điển tích, từ láy tinh tế và tự nhiên

D- Bài thơ sử dụng thể thơ thất ngôn xen lục ngôn, ngôn từ tả cảnh ngụ tình, nghệ thuật ẩn dụ, điển tích, từ láy tinh tế và tự nhiên

**c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh**

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa câu hỏi trắc nghiệm

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân

B3: Báo cáo thảo luận

HS trả lời, nhận xét, bổ sung

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, kết luận

Câu 1. Đáp án C; câu 2 đáp án B

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:**

- HS viết được đoạn văn đúng quy cách

- HS biết cách chọn yếu tố “phá cách” để viết

- HS biết cách triển khai viết một đoạn văn phân tích một vấn đề văn học

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn nghị luận

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn nghị luận 150 chữ

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS hoàn thành đoạn văn theo yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một yếu tố phá cách trong bài “Bảo kính cảnh giới, bài 43”

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân

B3: Báo cáo thảo luận

HS đọc đoạn văn trước lớp, nhận xét

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, kết luận

**Yếu tố “phá cách”** (cách cảm nhận thiên nhiên, bút pháp tả cảnh, chi tiết miêu tả cuộc sống đời thường nơi làng chài, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, câu thơ sáu tiếng,…

**Phụ lục (Phiếu học tập)**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

***Đọc phần giới thiệu về chùm thơ Bảo kính cảnh giới và thơ Nôm Đường luật để hoàn thành phiếu học tập sau***

|  |  |
| --- | --- |
| **THƠ NÔM ĐƯỜNG LUẬT** | |
| **Khái niệm** |  |
| **Đặc điểm** |  |
| **Thành tựu** |  |
| **Những tập thơ, bài thơ Nôm tiêu biểu** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **BẢO KÍNH CẢNH GIỚI** | |
| **Xuất xứ** |  |
| **Nội dung** |  |
| **Tư tưởng/tâm hồn** |  |

**VĂN BẢN 3**

**BẢO KÍNH CẢNH GIỚI (1 tiết)**

**(Gương báu răn mình)**

**(Bài 43)**

**- Nguyễn Trãi -**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài *Bảo kính cảnh giới*.

**-** Đặc điểm của thể loại thơ Nôm Đường luật của Nguyễn Trãi.

**2. Năng lực**

**-** HS nhận biết được đặc điểm hình thức của thể loại thơ Nôm Đường luật và nội dung của chùm thơ *Bảo kính cảnh giới*.

- HS nhận biết và phân tích được giá trị nội dung, đặc sắc nghệ thuật của bài thơ *Bảo kính cảnh giới* (bài 43). Từ đó, biết cách đọc hiểu một bài thơ Nôm Đường luật.

- HS hiểu được tầm vóc tư tưởng, vẻ đẹp tâm hồn của tác giả thể hiện trong bài thơ.

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm thơ trữ tình trung đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác phẩm thơ trữ tình trung đại Việt Nam.

- Năng lực tự học, tạo lập văn bản nghị luận**.**

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, đất nước, tình cảm gắn bó với cuộc sống của người dân.

**-** Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính bàn, laptop,

**2. Học liệu:** Hình ảnh,bài giảng điện tử, Sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo điện tử

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra:** Thực hiện trong phần khởi động

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:**

**-** Khơi gợi sự hiểu biết đã có về thể loại thơ Nôm Đường luật

- Định hướng đến nội dung của bài học

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi

HS kể tên một số bài thơ Đường luật đã học (ở CT Ngữ văn THCS và Bài 2 – Vẻ đẹp của thơ ca, SGK Ngữ văn 10, tập một); chỉ ra đặc điểm hình thức của thể thơ (số tiếng trên một dòng, số câu trong một bài, quy định về niêm, luật,...).

**c. Sản phẩm:**

- Một số bài thơ Đường luật đã học : Bạn đến chơi nhà (Nguyễn Khuyến); Qua đèo Ngang (Bà huyện Thanh Quan); Bánh trôi nước (Hồ Xuân Hương) …

- Đặc điểm hình thức của thể thơ Thất ngôn Đường luật:

+ số tiếng trên một dòng: 7 tiếng,

+ số câu trong một bài (8 câu – bát cú. 4 câu – tứ tuyệt) ,

+ Gieo vần ở cuối câu 1,2,4,6,8 (với thể thất ngôn bát cú) và cuối câu 1,2,4 (với thể thất ngôn tứ tuyệt).

+ Với thể thất ngôn bát cú, câu 3 và câu 4 thường đối nhau, câu 5 và câu 6 thường đối nhau, tiếng thứ 2, 4, 6 niêm với nhau

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

HS trả lời câu hỏi

*- Kể tên một số bài thơ Đường luật đã học (ở CT Ngữ văn THCS và Bài 2 – Vẻ đẹp của thơ ca, SGK Ngữ văn 10, tập một);*

*- Chỉ ra đặc điểm hình thức của thể thơ (số tiếng trên một dòng, số câu trong một bài, quy định về niêm, luật,...).*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thảo luận nhóm theo bàn

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS báo cáo kết quả, thảo luận, nhận xét

**B4: Kết luận, nhận định**

GV nhậnxét, đánh giá

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác phẩm**

**a. Mục tiêu:**

HS tìm hiểu tri thức công cụ phục vụ cho hoạt động đọc: thông tin về chùm thơ, đặc điểm của thơ Đường luật

**b. Nội dung:** HS trình bàytri thức về chùm thơ *Bảo kính cảnh giới*, thơ Nôm Đường luật

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Nhiệm vụ 1:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

HS hoàn thành phiếu học tập số 1

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh thảo luận cặp đôi

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS phát biểu, thảo luận

**B4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá, kết luận,

|  |
| --- |
| **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Thơ Nôm Đường luật***  - Là loại thơ được sáng tác theo thể Đường luật, viết bằng chữ Nôm, hình thành vào thế kỉ XIII  - Đặc điểm:  + sáng tạo dựa trên mô hình chữ Nôm.  + cách tân về đề tài, thi liệu, cảm hứng, bút pháp, ngôn ngữ thơ.  + có sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố Nôm (đề tài, chủ đề hướng tới những vấn đề của đất nước, dân tộc; ngôn ngữ - chữ Nôm; từ ngữ giản dị, thuần Việt, thể thơ thất ngôn xen lục ngôn …) và yếu tố Đường luật (đề tài, chủ đề hướng tới những quan niệm, phạm trù Nho giáo, Đạo giáo; dùng từ Hán Việt, sử dụng điển cố, điển tích, hình ảnh tao nhã, mang tính quy phạm về luật bằng trăc, niêm …).  - Thành tựu:  + dòng văn học viết tiếng Việt chính thức xuất hiện, tồn tại, phát triển so9ng hành cùng dòng văn học chữ Hán.  + góp phần quan trọng vào việc tạo nên diện mạo của nền thơ trung đại Việt Nam.  ***2. Chùm thơ Bảo kính cảnh giới***  - gồm 61 bài trong tập Quốc âm thi tập (254 bài)  - Nội dung:  + giáo huấn, những trăn trở, suy tư về thế sự  + những khoảng khắc thư nhàn, hòa mình với thiên nhiên, cuộc sống nơi thôn dã  - Chùm thơ thể hiện tư tưởng, nhân cách của bậc hiền lương và vẻ đẹp phong phú của tâm hồn nghệ sĩ. |

**Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS xác định được thể loại, bố cục, nội dung, nghệ thuật của bài thơ

- HS càm nhận, phân tích, nhận xét về từ ngữ, hình ảnh cũng như vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả.

**b. Nội dung**

HS hoàn thành các câu hỏi, phiếu học tập

**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS, phiếu học tập đã hoàn thiện

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đưa ra các câu hỏi, phiếu học tập

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân/thảo luận nhóm

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**B4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, kết luận

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Hướng dẫn HS tìm hiểu thể loại, bố cục của bài thơ**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Câu hỏi số 1. Xác định thể loại, nêu bố cục của bài thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận  Mô hình kết cấu của 1 bài thơ Đường luật thường là 2/2/2/2; 4/4; 6/2  **2. Hướng dẫn HS tìm hiểu câu thơ mở đầu**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi Câu thơ mở đầu cho biết điều gì về cuộc sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình? (chú ý các từ ngữ (“rồi”, “ngày trường”, “hóng mát”)  Câu thơ lục ngôn thứ nhất mở đầu bài thơ có tác dụng nhấn mạnh điều gì trong cuộc sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận  **3. Hướng dẫn HS tìm hiểu 5 câu tiếp theo: Vẻ đẹp của thiên nhiên**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh được tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc mùa hè. Từ đó, chỉ ra những nét đặc sắc trong cách cảm nhận thiên nhiên và bút pháp tả cảnh của tác giả.   * Từ ngữ chỉ màu sắc? * Chi tiết, hình ảnh, âm thanh?   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm, thời gian 5p  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận    **4. Hướng dẫn HS tìm hiểu bức tranh cuộc sống ngày hè**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi Cuộc sống của con người được nhà thơ tái hiện qua những âm thanh, hình ảnh nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận cặp đôi  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận  **5. Hướng dẫn HS tìm hiểu ước nguyện của nhân vật trữ tình**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi Phân tích mối liên hệ giữa khung cảnh cuộc sống con người với ước nguyện của nhân vật trữ tình trong hai câu thơ cuối.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm theo bàn  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận  **6. Hướng dẫn HS Vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi *Đọc bài thơ, bạn cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Thể loại, bố cục của bài thơ**  - Thể loại bài thơ: Thất ngôn xen lục ngôn.  - Bố cục: Chia làm 2 phần:  + sáu dòng đầu miêu tả bức tranh cuộc sống  + hai dòng cuối thể hiện tâm tư, ước nguyện của nhà thơ.    **2. Bức tranh cuộc sống (6 câu thơ đầu)**  **a. Câu thơ mở đầu: Cuộc sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình**  - Thời gian: “rồi” – rỗi rãi, thư nhàn  - Không gian: “ngày trường” – ngày dài  - Hành động: “hóng mát”  - Câu thơ lục ngôn, ngắt nhịp 1/2/3  => Cuộc sống thanh nhàn, rỗi rãi thong dong tự tại, tâm trạng thư thái của nhân vật trữ tình.  ( khoảng thời gian hiếm hoi ít ỏi trong cuộc đời con người “thân” ko nhàn mà “tâm” cũng ko nhàn)  **b.** **5 câu tiếp theo: Vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống ngày hè**  **\* Vẻ đẹp thiên nhiên**  - Từ ngữ chỉ màu sắc: “lục”, “đỏ”, “hồng” -> gam màu tươi tắn, rực rỡ  - Các chi tiết miêu tả hình ảnh: tán hoè (“đùn đùn”, “tán rợp trương”), hoa lựu (“phun thức đỏ”), ao sen (“hồng liên trì”, “tịn mùi hương”)  - Hình ảnh cây hoè: được miêu tả với màu “lục”, tán cây “đùn đùn” – gợi vẻ đẹp của vòm lá xanh tươi, bừng bừng sức sống; “rợp trương” như chiếc ô màu xanh, cành nhánh lớn lên từng giây phút, đổi thay “trông thấy”.  - Hình ảnh hoa lựu: tín hiệu đặc trưng của mùa hè, căng tràn nhựa sống, bật lên thành “thức đỏ” rực rỡ nơi đầu cành.  - Hình ảnh ao sen: dẫu cuối mùa vẫn gợi liên tưởng về một không gian thanh khiết.  => bức tranh thiên nhiên tươi sáng, tràn đầy sức sống  \* N**ét đặc sắc trong cách cảm nhận thiên nhiên và bút pháp tả cảnh của tác giả**.  - Sử dụng những hình ảnh, màu sắc đặc trưng của màu hè  - Sử dụng những động từ mạnh “đùn đùn”, “giương”, “phun”, tính từ “tiễn” để diễn tả sức sống của cảnh vật.  => **Cách nhìn, cách cảm nhận thiên nhiên độc đáo**: Thiên nhiên đã trở thành khách thể thẩm mĩ, được quan sát, khám phá bằng nhiều giác quan, luôn nhấn mạnh sự vận động,…  => **Cách tái hiện hình tượng thiên nhiên**: nghiêng về bút pháp **tả thực**; màu sắc và đường nét táo bạo, sống động (khác với bút pháp chấm phá, màu sắc thanh đạm, đường nét hài hoà,… thường gặp trong thơ cổ).  **\* Bức tranh cuộc sống:**  **-** Âm thanh của phiên chợ cá nơi làng chài, tiếng ve vang lên rộn rã trong buổi hoàng hôn gợi nhịp sống thanh bình, yên ấm.  **-** Tiếng đàn ve “dắng dỏi” khiến lầu tịch dương vốn im vắng, tĩnh lặng bỗng trở nên rộn rã, tươi vui,…  -> bức tranh của chiều quê thanh bình, no ấm.  - Nghệ thuật: đối, đảo ngữ, từ láy.  => tác giả có sự giao cảm mạnh mẽ và tinh tế với thiên nhiên cảnh vật và cuộc sống con người.  => Đó là bức tranh sinh động có sự kết hợp hài hòa : đường nét, màu sắc, âm thanh, cảnh vật, con người.  => Bức tranh thiên nhiên, cuộc sống được miêu tả vào thời điểm cuối ngày nhưng sự sống ko ngừng lại. Thiên nhiên vẫn vận động với một nguồn sống dồi dào, mãnh liệt.  => Tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu cuộc sống tha thiết của nhà thơ.  **3. Ước nguyện của nhân vật trữ tình**  - Bức tranh cuộc sống nhộn nhịp, cảnh sống sung túc, ấm no, đủ đầy của con người, tương đồng với lý tưởng, ước nguyện của Nguyễn Trãi  - Ước nguyện của nhà thơ: “Lẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,/ Dân giàu đủ khắp đòi phương.”.  + khát vọng về một **cuộc sống no đủ**, bình yên cho mọi người **dân ở khắp mọi nơi**  + là giấc mơ về một xã hội lí tưởng  - Nghệ thuật thể hiện:  + Sử dụng điển tích  + Câu thơ lục ngôn với nhịp 3/3/ngắn gọn dứt khoát thể hiện sự dồn nén cảm xúc của bài thơ  => điểm kết tụ của hồn thơ Ức Trai không phải ở thiên nhiên tạo vật mà ở chính **cuộc sống con người,** ở nhân dân  \* **Vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả:**  - Tâm hồn tinh tế, rộng mở, tràn đầy sức sống; nâng niu, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống.  - Tư tưởng yêu nước, thương dân thường trực trong con người Nguyễn Trãi; dạt dào và mãnh liệt ngay cả trong những thời khắc nhà thơ có thể sống an nhàn, thư thái, cho riêng bản thân mình. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b. Nội dung: Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm**

***Câu 1: Dòng nào dưới dây thể hiện đầy đủ nhất nội dung bài thơ “Cảnh ngày hè” ?***

A- Bài thơ miêu tả bức tranh ngày hè tĩnh lặng, qua đó thể hiện tâm trạng buồn chán chốn quan trường của Nguyễn Trãi.

B- Bài thơ miêu tả bức tranh ngày hè tĩnh lặng, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên và lòng yêu nước thầm kín của Nguyễn Trãi.

**C- Bài thơ miêu tả bức tranh ngày hè tràn đầy sức sống, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và tấm lòng vì dân vì nước của Nguyễn Trãi.**

D- Bài thơ miêu tả bức tranh trưa hè tràn đầy sức sống, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên và lòng yêu nước thầm kín của Nguyễn Trãi.

Câu 2: Nhận định nào dưới dây thể hiện đầy đủ nhất nghệ thuật đặc sắc của thơ “Cảnh ngày hè” ?

A- Bài thơ sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, ngôn từ tả cảnh ngụ tình, nghệ thuật nhân hoá, điển tích, từ láy tinh tế và tự nhiên

**B- Bài thơ sử dụng thể thơ thất ngôn xen lục ngôn, ngôn từ tả cảnh ngụ tình, nghệ thuật đối, điển tích, từ láy tinh tế và tự nhiên**

C- Bài thơ sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú, ngôn từ tả cảnh ngụ tình, nghệ thuật hoán dụ, điển tích, từ láy tinh tế và tự nhiên

D- Bài thơ sử dụng thể thơ thất ngôn xen lục ngôn, ngôn từ tả cảnh ngụ tình, nghệ thuật ẩn dụ, điển tích, từ láy tinh tế và tự nhiên

**c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh**

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa câu hỏi trắc nghiệm

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân

B3: Báo cáo thảo luận

HS trả lời, nhận xét, bổ sung

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, kết luận

Câu 1. Đáp án C; câu 2 đáp án B

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:**

- HS viết được đoạn văn đúng quy cách

- HS biết cách chọn yếu tố “phá cách” để viết

- HS biết cách triển khai viết một đoạn văn phân tích một vấn đề văn học

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn nghị luận

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn nghị luận 150 chữ

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS hoàn thành đoạn văn theo yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một yếu tố phá cách trong bài “Bảo kính cảnh giới, bài 43”

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân

B3: Báo cáo thảo luận

HS đọc đoạn văn trước lớp, nhận xét

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, kết luận

**Yếu tố “phá cách”** (cách cảm nhận thiên nhiên, bút pháp tả cảnh, chi tiết miêu tả cuộc sống đời thường nơi làng chài, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, câu thơ sáu tiếng,…

**Phụ lục (Phiếu học tập)**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

***Đọc phần giới thiệu về chùm thơ Bảo kính cảnh giới và thơ Nôm Đường luật để hoàn thành phiếu học tập sau***

|  |  |
| --- | --- |
| **THƠ NÔM ĐƯỜNG LUẬT** | |
| **Khái niệm** |  |
| **Đặc điểm** |  |
| **Thành tựu** |  |
| **Những tập thơ, bài thơ Nôm tiêu biểu** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **BẢO KÍNH CẢNH GIỚI** | |
| **Xuất xứ** |  |
| **Nội dung** |  |
| **Tư tưởng/tâm hồn** |  |

## 

## BÀI 6: NGUYỄN TRÃI – “DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY”

**Văn bản 4: DỤC THÚY SƠN**

**( 1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực ngữ văn**

- Vận dụng những hiểu biết về Nguyễn Trãi và kiến thức được giới thiệu trong phần Tri thức ngữ văn để đọc hiểu một tác phẩm thơ chữ Hán, thể ngũ ngôn bát cú Đường luật của Nguyễn Trãi.

- Nhận biết và phân tích được thể thơ ngũ luật nói chung.

**1.2. Năng lực chung.**

- Chủ động tìm hiểu thêm các kiến thức về tác gia Nguyễn Trãi và các tác phẩm của tác gia này.

- Hợp tác với các thành viên trong lớp trong quá trình thảo luận.

**2. Phẩm chất**

- Thể hiện được lòng kính trọng biết ơn và tinh thần học tập những nhân vật kiệt xuất đã có những đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hóa dân tộc

- Có tình yêu thơ ca,yêu cái đẹp.

- Có ý thức tự giác trong các hoạt động của lớp.

- Biết lắng nghe tôn trọng ý kiến người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

***a. Mục đích:***

HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài mới.

***b. Nội dung:*** HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:***HSvận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Hãy kể một vài địa danh của đất nước từng khơi nguồn cảm hứng cho thơ ca.  +Trình chiếu một số hình: Một vài địa danh của đất nước đã khơi nguồn cảm hứng cho thơ ca như sông Bạch Đằng, Côn Sơn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài  - GV nhận xét đánh giá chuẩn hóa kiến thức có thể chấm điểm cho HS hoàn thành tốt. | - Gợi ý:  Các danh lam thắng cảnh của đất nước như: Yên Tư, côn Sơn, Bạch Đằng, Thần Phù, Vân Đồn…. |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết những nét chính về giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.

***b. Nội dung***

- Giới thiệu những nét chính về về nội dung và nghệ thuật.

***c. Sản phẩm***

- Trên cơ sở HS chuẩn bị ở nhà theo nhóm đã phân công.

- HS thuyết trình sản phẩm trình bày những nét chính về bài thơ.

- HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu tri thức ngữ văn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và tìm hiểu đặc điểm cơ bản thể loại thơ Ngũ luật (GV yêu cầu HS tự tìm hiểu SGK trang 24, 25) đọc tìm thể loại, đặc điểm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu tri thức ngữ văn**  1. Thể loại  Thơ ngũ luật là loại thơ gồm 8 câu (bát cú), mỗi câu có 5 tiếng (ngũ ngôn) được làm theo quy định chặt chẽ của luật thơ Đường luật; cho nên còn gọi là ngũ ngôn luật thi. Thơ ngũ luật giống như bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật bỏ đi hai tiếng đầu câu, chỉ còn năm tiếng sau. Về niêm, luật, vần, đối và kết cấu thì vẫn như bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.  2. Đặc điểm  -Về luật thơ (thi luật): căn cứ vào chữ thứ nhất, chữ thứ nhì của dòng đầu tiên để xác định luật bằng, trắc; chữ thứ hai và thứ tư phải đối nhau (nhị, tứ phân minh).  -Về đối: các phép đối, dù ở dạng nào cũng đều phải hội tụ 3 đặc điểm:  + Đối ý: có hai cách cơ bản là tương phản và tương đồng.  + Đối thanh: chí ít là các chữ nằm ở vị trí 2,4,5 nhất thiết phải tuân theo luật bằng trắc.  + Đối từ: danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ, tính từ đối với tính từ; số từ đối với số từ, hư từ đối với hư từ; từ ghép đối với từ ghép, từ láy đối với từ láy; danh từ riêng đối với danh từ riêng; cụm từ đối với cụm từ. Nếu không đảm bảo quy định trên gọi là thất luật.  -Về niêm:để đảm bảo được sự hài hòa về thanh bằng, thanh trắc giữa các câu thơ trong phạm vi cả bài (chiều dọc) thì các câu 1 và 8, câu 2 và 3, câu 4 và 5, câu 6 và 7 phải niêm với nhau (nghĩa là các cặp câu phải cùng là thanh bằng hoặc thanh trắc). Khi các câu trong bài không theo lệ đã định gọi là thất niêm.  -Về vần (vận )có hai loại:  + Chính vận (vần gồm những chữ có âm giống nhau chỉ khác phụ âm đầu và dấu giọng);  + Thông vận (vần gồm những chữ có âm tương tự nhau). Gieo vần sai hẳn, không hiệp nhau gọi là lạc vận ; nếu vần gieo gượng, không được hiệp lắm thì gọi là cưỡng áp .  -Về kết cấu :có ba mô hình cơ bản về bố cục của một bài thơ ngũ luật như sau:  +Mô hình phổ biến nhất là 2/2/2/2: khởi - thừa - chuyển - hợp (hay đề - thực - luận - kết ).  + Mô hình 4/4:tiền giải, hậu giải  + Mô hình 2/4/2.  Căn cứ vào số câu được gieo vần, ngũ luật chia làm hai loại: loại năm vần và loại bốn vần.  +Ngũ luật bốn vần là những bài thơ làm theo luật Đường thi có 8 câu, mỗi câu 5 tiếng, hiệp vần (bằng hoặc trắc) ở các câu 2,4,6,8 (trốn vần ở câu 1).  +Ngũ luật năm vần là những bài thơ làm theo luật Đường thi có 8 câu, mỗi câu 5 tiếng, hiệp vần (bằng hoặc trắc) ở các câu 1, 2, 4, 6, 8.  +Căn cứ vào vần được gieo là vần bằng hay vần trắc, cũng chia ra làm các tiểu loại: loại vần bằng; loại vần trắc. |

**Hoạt động 2: Đọc và khái quát nội dung chính của văn bản**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc, khái quát nội dung văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV: Hướng dẫn học sinh đọc văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + *Hướng dẫn cách đọc văn bản, chú ý các hộp chỉ dẫn*  *+ GV hướng dẫn HS chú ý về các câu hỏi hình dung, theo dõi*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Đọc và khái quát nội dung chính của văn bản**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi  - GV đọc phần nguyên văn (phiên âm), chỉ định HS đọc thành tiếng bản dịch nghĩa và bản dịch thơ, nhắc các em chú ý đến cách đọc thơ ngũ ngôn luật, có đối, chú ý những cước chú và nội dung thẻ chỉ dẫn.  **2. Nội dung chính**  - Theo dõi và nắm bắt các chi tiết miêu tả bức tranh thiên nhiên phong cảnh núi Dục Thúy và tình cảm của nhân vật trữ tình. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được đặc điểm cơ bản của thể loại thơ Ngũ luật và nội dung phản ánh.

- HS nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản về nội dung và nghệ thuật

- HS vận dụng được những hiểu biết chung về tác gia Nguyễn Trãi và các kiến thức được giới thiệu trong phần Tri thức ngữ văn để đọc hiểu một tác phẩm thơ chữ Hán, thể ngũ ngôn của Nguyễn Trãi.  
– HS thể hiện được lòng kính trọng, biết ơn và tinh thần học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc.

- Sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HV** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv phát vấn  - Gv yêu cầu HV tự tìm hiểu SGK trang 24, 25 đọc bài thơ và tìm hiểu hoàn cảnh ra đời.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức để hs báo cáo sản phẩm  - HS trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Khám phá văn bản**  **1. Hoàn cảnh ra đời bài thơ**  - Dục Thúy Sơn có thể được sáng tác vào thời điểm sau cuộc kháng chiến chống giặc Minh và trước khi Nguyễn Trãi lui về ở ẩn tại Côn Sơn. Bài thơ được sưu tầm và xếp vào *Ức Trai thi tập.* |
| **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm điểm khác biệt giữa bản dịch nghĩa dịch thơ và bố cục bài thơ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Gv phát PHT số 2, Hs thảo luận nhóm 4-6 em  - Nêu một vài điểm khác biệt đáng chú ý giữa bản dịch nghĩa và dịch thơ?( Nhóm 1)  - Xác định đặc điểm kết cấu của Dục Thuý Sơn( Nhóm 2)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - GV nhận xét đánh giá chuẩn hóa kiến thức có thể chấm điểm cho nhóm hoàn thành tốt. | **2. Nội dung bài thơ.**  ***a.*** *Nêu một vài điểm khác biệt đáng chú ý giữa bản dịch nghĩa và dịch thơ*  - Bản dịch thơ đảo câu 3,4, trật tự và logic thay đổi  +Từ “ cảnh” trong nguyên văn và bản dịch nghĩa là “ cõi”, “ bờ cõi”( như biên cảnh, xuất nhập cảnh. Do cấu trúc câu theo trật tự ngữ pháp tiếng Việt, từ “cảnh tiên” trong bản dịch  thơ dễ bị hiểu nhầm là phong cảnh, cảnh sắc.  + “Bóng” là hình ảnh phản chiếu của sự vật, có thể do ánh sáng (bóng nắng, bóng râm),  có thể do tính chất phản chiếu của gương, của mặt nước,... Bản dịch nghĩa, theo logic của  nguyên văn, xác định rõ “bóng tháp” hiện lên trên mặt nước. Do hạn định về số chữ, bản  dịch thơ chỉ nói chung là “bóng tháp”, rất có thể dẫn đến cảm nhận sai.  + Bản dịch nghĩa (và nguyên văn) là “trâm ngọc xanh” (trâm thanh ngọc), đặc tả màu sắc  của “trâm”, bản dịch thơ chỉ dịch chung là “trâm ngọc”, chưa gợi rõ màu sắc.  + “Thuý hoàn” trong nguyên văn là “mái tóc xanh” (bản dịch nghĩa), chuyển thành “tóc huyền” trong bản dịch thơ, “huyền” là màu đen.  b. *Xác định đặc điểm kết cấu của bài thơ Dục Thuý Sơn*  - Mô hình kết cấu cơ bản của một bài thơ viết theo thể Đường luật (bát cú) là: 2/2/2/2 hoặc 4/4;nhưng cũng có thể theo kết cấu riêng (ví dụ: 6/2, 4/2/2,...).  – Xét về nội dung và cảm hứng, dễ nhận thấy bài Dục Thuý sơn có mô hình kết cấu 6/2.  + Trong đó sáu câu đầu thiên về tả cảnh, bức tranh núi Dục Thuý;  + Hai câu kết thể hiện cảm xúc hoài niệm của tác giả.  – Ở một góc độ khác, có thể chấp nhận mô hình cấu trúc đề – thực – luận – kết.  + Hai câu đề: giới thiệu chung về cảnh vật;  + Hai câu thực: cảnh đẹp của ngọn núi nhìn từ xa, trên cao;  + Hai câu luận: vẻ đẹp của núi nhìn từ điểm nhìn cận cảnh;  + Hai câu kết: tâm sự hoài niệm trước cảnh vật. Sự “vận động” của ý thơ đi từ chung đến riêng, từ khái quát đến cụ thể, từ ngoại cảnh đến nội tâm. |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  - Bức tranh toàn cảnh về vẻ đẹp của núi Dục Thuý được miêu tả như thế nào?( Nhóm 3)  - Nêu những chi tiết miêu tả cận cảnh núi Dục Thuý?( Nhóm 4)  - Trong phần kết của những bài thơ viết về đề tài “đăng cao”, “đăng sơn”, thi nhân xưa thường thể hiện chí khí hào hùng, khát vọng lớn lao, hoặc nhấn mạnh sự nhỏ bé, cô đơn của con người trước núi sông kì vĩ. Theo bạn, trong hai câu kết của Dục Thuý Sơn, Nguyễn Trãi muốn gửi gắm những nỗi niềm chung ấy hay muốn bày tỏ suy ngẫm riêng của mình?  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  Các nhóm trả lời câu hỏi.  *Bước 3: Báo cáo kết quả các nhóm*  *Bước 4: Nhận xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.*  - Nhóm trình bày các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét đánh giá chuẩn hóa kiến thức có thể chấm điểm cho nhóm hoàn thành tốt.  *-GV liên hệ một bài thơ của Trương Hán Siêu ( có cùng đề tài)*  Dục Thuý Sơn  (Núi Dục Thuý)  Trương Hán Siêu  *Phiên âm:*  Sơn sắc thượng y y,  Du nhân hồ bất quy?  Trung lưu quang tháp ảnh,  Thượng giới khải nham phi.  Phù thế như kim biệt,  Nhàn danh ngộ tạc phi.  Ngũ Hồ thiên địa khoát,  Hảo phỏng cựu ngư ki.  *Dịch nghĩa:*  Sắc núi vẫn xanh biêng biếc,  Người đi chơi sao còn chưa về?  Giữa dòng sáng ngời bóng tháp,  Thượng giới mở cánh cửa hang.  Có cách biệt với cuộc đời trôi nổi như hôm nay,  Mới biết rõ việc chạy theo danh hão trước kia là không đúng,  Trời đất Ngũ Hồ rộng thênh thang,  Mong tìm lại tảng đá ngồi câu khi trước. | **3. Phân tích**  ***a. Sáu câu thơ đầu: bức tranh núi Dục Thuý;***  *Hải khẩu hữu tiên san;*  *Tiền niên lũ vãng hoàn.*  *Liên hoa phù thủy thượng;*  *Tiên cảnh trụy trần gian*  *Tháp ảnh trâm thanh ngọc;*  *Ba quang kính thúy hoàn*  - Bức tranh toàn cảnh núi Dục Thuý được thể hiện rõ nét trong hai câu 3-4, từ điểm nhìn xa, có tầm bao quát rộng.  *Liên hoa phù thủy thượng;*  *Tiên cảnh trụy trần gian*  - Núi Dục Thuý được tác giả ví như đoá sen nổi trên mặt nước, hình ảnh và bút pháp mới lạ, độc đáo. Trong nguyên văn, tác giả không sử dụng từ ngữ biểu thị sự so sánh mà đồng nhất trực tiếp núi Dục Thuý với đoá sen. Hình ảnh đoá sen có ý nghĩa biểu tượng, gợi ý niệm thoát tục, như là cõi tiên rơi xuống trần gian.  - Ngôn từ được sử dụng tinh xác, tạo ấn tượng: Trong nguyên văn, từ “phù” có nghĩa là nổi, nhưng lay động tại chỗ (khác với phiếm cũng là nổi nhưng trôi dạt); từ “truỵ” có nghĩa là rơi, rớt từ trên cao xuống, thể hiện sự sống động trong miêu tả.  - Những chi tiết miêu tả cận cảnh núi Dục Thuý  *Tháp ảnh trâm thanh ngọc;*  *Ba quang kính thúy hoàn*  - Các chi tiết đặc sắc: so sánh bóng tháp hiện trên mặt nước như chiếc trâm ngọc xanh; ánh sáng sóng nước như đang soi chiếu mái tóc biếc.  -Trâm ngọc xanh và mái tóc biếc gợi hình ảnh trẻ trung, trong sáng, trữ tình, nên thơ, giúp liên tưởng đến hình ảnh người con gái. Vẻ đẹp của thiên nhiên được so sánh với vẻ đẹp của con người; lấy nét đẹp của người con gái để hình dung bóng núi trên sóng biếc.  - Sự liên tưởng này rất hiện đại, đặc biệt, hiếm thấy trong thơ cổ. Thơ cổ thường lấy chuẩn mực vẻ đẹp tự nhiên để so sánh với con người. Sự liên tưởng và bút pháp mới lạ này cho thấy tâm hồn trong sáng, nhạy cảm, tinh tế của nhà thơ.  ***b. Hai câu cuối: cảm xúc hoài niệm của tác giả.***  *Hữu hoài trương Thiếu bảo,*  *Bi khắc tiển hoa ban*  *-*Trong phần kết của những bài thơ viết về đề tài “đăng cao”, “đăng sơn”, thi nhân xưa thường thể hiện chí khí hào hùng, khát vọng lớn lao, hoặc nhấn mạnh sự nhỏ bé, cô đơn của con người trước núi sông kì vĩ.  -Hai câu kết bài thơ này, cũng giống như các bài thơ khác cùng chủ đề của Nguyễn Trãi, lại thường là sự bộc lộ những suy tư về con người, về lịch sử, về dân tộc.  -Ý thơ thể hiện rõ sự hoài niệm, nhớ tiếc. Điều này cho thấy tâm hồn hướng nội, sâu sắc của Nguyễn Trãi. |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **IV. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Bức tranh toàn cảnh núi Dục Thúy hiện lên chân thực nhưng không kém phần sâu sắc sống động.  - Quan bức tranh thiên nhiên tuyệt mĩ ẩn dấu tâm hồn trong sáng, nhạy cảm, tinh tế của nhà thơ.  **2. Nghệ thuật**  - Thơ văn Nguyễn Trãi kết tinh nhiều thành tựu nghệ thuật đặc sắc, góp phần quan trọng vào sự phát triển, hoàn thiện một số thể loại văn học Trung đại Việt Nam.  + Bài thơ Dục Thúy Sơn đạt tới sự nhuần nhuyễn và điêu luyện, ngôn ngữ cô đúc, nghệ thuật tài hoa.  + Đặc điểm cơ bản của thể thơ: lấy cảnh ngụ tình “ ý tại ngôn ngoại”  + Sử dụng đắc địa chi tiết miêu tả, biện pháp nghệ thuật tu từ so sánh , ẩn dụ. |
| **Cách tổng kết 2**  **PHT số …**   |  |  | | --- | --- | | Những điều em nhận biết và làm được | Những điều em còn băn khoăn | |  |  | | |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.*  **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Bài thơ Dục Thúy Sơn đã thể hiện tình yêu thiên nhiên đất nước sâu sắc của Nguyễn Trãi. Anh (chị) hãy viết đoạn văn*  *( khoảng 150 chữ) ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét đánh giá | ***Gợi ý:***  -Trong thơ Nguyễn Trãi, thiên nhiên dường như chiếm phần khá cao, từ những danh lam thắng cảnh hùng vĩ đến những điều giản dị bình thường cũng đi vào thơ ông và làm xúc động lòng người đọc.  -Nguyễn Trãi yêu thiên nhiên nên ông làm thơ thiên nhiên và cũng chính ông đã giúp ta thêm yêu cuộc sống, yêu quê hương đất nước của mình.  -Hôm nay và mãi mãi về sau, Nguyễn Trãi cùng những vần thơ tuyệt bút ấy sẽ ghi một dấu ấn đậm nét trong lòng người đọc. |

***Phụ lục 1:Phiếu học tập***

**PHT số 1/ Gợi ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| So sánh | Bản dịch nghĩa | Bản dịch thơ | Nhận xét |
|  |  |  |

**PHT số 2/ Gợi ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bức tranh thiên nhiên núi Dục Thúy | Nhìn từ trên cao | Nhìn từ xa | Nhìn cận cảnh |
|  |  |  |

***Phụ lục 2. Rubic đánh giá thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.*  **1.Nguyễn Trãi có hiệu là gì?** A. Thanh Hiên  B. Ức Trai  C. Yên Đổ  D. Bạch Vân  **2. Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh năm nào?** A. 1385  B. 1390  C. 1395  D. 1400  **3. Nguyễn Trãi cùng cha ra làm quan dưới triều đại nào?**  A. Nhà Lý  B. Nhà Trần  C. Nhà Hồ  D. Nhà Nguyễn  **4. Sau khi thoát khỏi sự giam lỏng của giặc Minh, Nguyễn Trãi theo ai tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?**  A. Trần Quốc Tuấn  B. Lê Lợi  C. Nguyễn Huệ  D. Cả A, B, C, đều sai  **5. Nguyễn Trãi xin về ở ẩn tại Côn Sơn vào năm nào?**  A. 1432  B. 1434  C. 1437  D. 1439  **6. Bài thơ Dục Thúy Sơn được sáng tác trong giai đoạn nào?**  A.Sau cuộc kháng chiến chống giặc Minh  B. Trước khi nguyễn Trãi lui về ở ẩn tại Côn Sơn  C.Khi Nguyễn Trãi làm quan dưới triều nhà Lê  D.A, B  **7. Bài thơ Dục Thúy Sơn được sáng tác theo thể thơ nào?**  A. Thất ngôn tứ tuyệt  B. Lúc bát  C. Ngũ ngôn luật thi  D. Song thất lục bát  **8**. *Nhớ xưa Trương thiếu bảo*  *Bia khắc dấu rêu hoen*  **Hai câu thơ trên trích trong bài thơ nào dưới đây?**   1. Dục Thúy Sơn   B. Tự thán bài 40  C. Bảo kính cảnh giới bài 12  D. Tự thuật bài 9  **9. Bài thơ Dục Thúy Sơn đã thể hiện tình yêu thiên nhiên và vẻ đẹp tâm hồn trong sáng nhạy cảm của Nguyễn Trãi. Đúng hay sai?**  A. Đúng  B. Sai  **10. Nhận xét nào sau đúng về Nguyễn Trãi?** A. Là một bậc đại anh hùng dân tộc. B. Là một nhân vật toàn tài hiếm có. C. Là người đã được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới D. Cả A, B, C đều đúng.  **ĐÁP ÁN**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | | B | D | C | B | D | | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | | D | C | A | A | D |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện**  **nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | Gợi ý:  Câu 1: C  Câu 2: C  Câu 3: A  Câu 4: D  Câu 5: D  Câu 6: D  Câu 7: B  Câu 8: B  Câu 9: A  Câu 10: D |

**Thực hành Tiếng Việt**

**SỬ DỤNG TỪ HÁN VIỆT (1 tiết)**

**I.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Ý nghĩa và cách sử dụng của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh và văn bản văn học.

**2. Năng lực:**

- HS nhận biết được cách thức sử dụng từ Hán Việt và giá trị biểu đạt của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh.

- HS biết vận dụng kiến thức về từ Hán Việt để tìm hiểu sâu hơn nghệ thuật sử dụng từ ngữ của tác giả trong các văn bản đọc.

**3. Phẩm chất:**

HS biết trân trọng, yêu mến và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1.Thiết bị dạy học

Máy chiếu, bảng, laptop

2. Học liệu: Hình ảnh,bài giảng điện tử, Sách giáo khoa, sách GV, từ điển Hán Việt, từ điển Điển tích, điển cố, tài liệu tham khảo …

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1.Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới.

**Hoạt động 1: Khởi động, tạo tâm thế**

**a.Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn HS về nội dung bài học

**b. Nội dung** : Trình chiếu Powerpoint đoạn thơ “***Chị em Thuý Kiều***”

- HS điền từ còn thiếu vào các dấu ba chấm trong mỗi dòng thơ của đoạn thơ “ ***Chị em Thuý Kiều***” ( Trích “ Truyện Kiều”- Nguyễn Du)

- Rút ra đặc điểm chung của những từ vừa tìm được.

**c. Sản phẩm**: HS trả lời câu hỏi, điền từ còn thiếu vào dấu ba chấm

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

-GV Trình chiếu Powerpoint đoạn thơ “***Chị em Thuý Kiều***”

- HS suy nghĩ, thảo luận nhóm theo bàn, điền từ vào các dấu ba chấm

B3: Báo cáo thảo luận

HS báo cáo kết quả.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhậnxét, đánh giá

* Các từ cần điền vào dấu ba chấm : ***Tố nga, cốt cách, tinh thần, trang trọng, khuôn trăng, nét ngài, đoan trang.***
* Nhận xét: Chúng đều là những từ Hán Việt

**Hoạt động 2: Củng cố kiến thức**

**a.Mục tiêu**: HS nhớ lại một số kiến thức đã học về từ Hán Việt

**b. Nội dung** : Gv đặt câu hỏi

- Chương trình Ngữ văn THCS đã cung cấp kiến thức về từ Hán Việt chưa?

- Chương trình Ngữ văn 10 , tập 1 đã có bài nào các em được học và thực hành về từ Hán Việt?

- Vai trò, ý nghĩa của từ Hán Việt trong quá trình tạo lập văn bản là gì?

- Cách để suy đoán nghĩa của từ Hán Việt?

**c. Sản phẩm**: HS Trả lời câu hỏi

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ, thảo luận nhóm theo bàn

B3: Báo cáo thảo luận

HS báo cáo kết quả.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhậnxét, đánh giá

-Kiến thức cơ bản về từ HV đã được cung cấp trong chương trình Ngữ văn THCS, trong SGK Ngữ văn 10 tập 1 , ở bài ***Sức hấp dẫn của truyện kể*** , tiếp tục giúp các em có cơ hội phát triển kĩ năng sử dụng từ Hán Việt thông qua những bài tập thực hành ở mức nâng cao.

- Từ Hán Việt là từ mượn gốc Hán, Tiếng để cấu tạo từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt. Đây là loại từ chiếm số lượng lớn trong kho từ vựng Tiếng Việt.

- Vai trò, ý nghĩa : Tạo sắc thái trang trọng, tao nhã, cổ kính, phù hợp với không khí cổ xưa, hoặc thể hiện thái độ tôn kính…

- Cách để suy đoán nghĩa của từ Hán Việt: Thường dựa vào nghĩa của các yếu tố tạo nên từ đó, dựa vào ngữ cảnh, từ điển… (cần chú ý các từ có sự chuyển nghĩa)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 3: Luyện tập , vận dụng**  **a. Mục tiêu :**HS vận dụng kiến thức đã học để nhận diện và phân tích nghĩa của từ Hán Việt  **b. Nội dung**  HS vận dụng kiến thức đã học kết hợp với từ điển Hán Việt để xác định từ Hán Việt và các yếu tố Hán Việt , các điển tích có trong một số đoạn trích của ***Bình Ngô đại cáo*** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ:  GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thực hiện 1 bài tập , trả lời vào phiếu học tập  ***Nhóm 1: Bài 1- Phiếu học tập số 1***  *a.Tìm và giải nghĩa một số từ HV có trong đoạn trích chưa được chú thích ở văn bản Bình Ngô đại cáo*  *b. Nêu tác dụng biểu đạt của hệ thống từ Hán Việt trong đoạn trích.*  *c. Đặt câu với các từ: Nhân nghĩa, văn hiến, hào kiệt*  ***Nhóm 2: bài 2- Phiếu học tập số 2***  *Đọc lại đoạn 3 của văn bản Bình Ngô đại cáo ( từ “Ta đây” đến “Dùng quan mai phục, lấy ít địch nhiều”), Lập bảng hoặc vẽ sơ đồ liệt kê các điển tích và nêu tác dụng biểu đạt của chúng theo gợi ý sau*  ***Nhóm 3: Bài 3- Phiếu học tập số 3***  *Hầu hết các từ có yếu tố “nghĩa” trong nguyên tác Bình Ngô đại cáo đã được dùng lại nguyên vẹn, không dịch ra Tiếng Việt. ( Ví dụ: Nhân nghĩa). Hãy liệt kê và giải thích nghĩa của các từ đó.*  ***Nhóm 4: Bài 4- Phiếu học tập số 4***  *Tìm một số từ Hán Việt có yếu tố “nhân” được dùng với nghĩa như trong từ “nhân nghĩa”. Giải nghĩa các từ đó.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh hoàn thành nhiệm vụ vào các phiếu học tập của mình  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Mỗi nhóm cử 1 đại diện trình bày sản phẩm của nhóm mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại vấn đề, nhận xét, đánh giá, bổ sung từng phiếu học tập. | ***Nhóm 1: Phiếu học tập số 1***  ***a.Tìm và giải nghĩa một số từ Hán Việt có trong đoạn trích chưa được chú thích ở văn bản Bình Ngô đại cáo***   |  |  | | --- | --- | | **Từ/Yếu tố** | **Nghĩa** | | ***Trừ bạo*** | ***Trừ***: Trừ bỏ, loại bỏ  ***Bạo:*** Tàn bạo  =>Diệt trừ những kẻ bạo ngược, làm hại dân lành. | | ***Phong tục*** | ***Phong:*** thói quen được ưa chuộng  ***Tục***: Cái được công nhận, ham chuộng   * Thói quen đã ăn sâu vào đời sống xã hội, được mọi người công nhận và làm theo. | | ***Độc lập*** | ***Độc:*** Một mình  ***Lập***: Đứng thẳng, gây dựng   * Nước có chủ quyền, không lệ thuộc vào nước khác, người tự mình tồn tại, không lệ thuộc vào ai. | | **b. Nêu tác dụng biểu đạt của hệ thống từ Hán việt trong đoạn trích:**  **-** Tạo sắc thái biểu cảm trang trọng, tự hào, tôn kính.  **-** Phù hợp với ngữ cảnhcủa bài cáo.  c.Đặt câu với các từ: *: Nhân nghĩa, văn hiến, hào kiệt* | |   ***Nhóm 2- Phiếu học tập số 2***  *Lập bảng hoặc vẽ sơ đồ liệt kê các điển tích và nêu tác dụng biểu đạt của chúng theo gợi ý sau:*  1.***Nếm mật nằm gai*** : Thể hiện ý chí, nhiệt huyết cứu nước của người lãnh đạo nghĩa quân Lam Sơn.  2. ***Dựng cần trúc***: Tái hiện những ngày đầu dấy nghĩa : Thiếu thốn gian nan mà khí thế hào hùng  3. ***Hoà nước sông chén rượu ngọt ngào***: Khảng định, ngợi ca tinh thần đoàn kết của nghĩa quan Lam Sơn: Trên dưới một lòng, đoàn kết, gắn bó, yêu thương nhau như tình cha con.  ***Nhóm 3 - Phiếu học tập số 3***  *Hãy liệt kê và giải thích nghĩa của các từ có yếu tố “Nghĩa” trong nguyên tác “Bình Ngô đại cáo”*   * ***Nhân nghĩa***: Lòng yêu thương con người và làm theo lẽ phải * ***Dấy nghĩa***: Nổi dậy, làm theo lẽ phải * ***Cờ nghĩa***: Ngọn cờ của lẽ phải * ***Đại nghĩa***: Việc lớn, lẽ phải nên làm.   ***Nhóm 4- Phiếu học tập số 4***  *Tìm một số từ Hán Việt có yếu tố “nhân” được dùng với nghĩa như trong từ “nhân nghĩa”. Giải nghĩa các từ đó.*   * ***Nhân hậu***: Hiền lành, tốt bụng, giàu lòng thương người, chỉ muốn đem lại những điều tốt lành cho người khác * ***Nhân từ***: Hiền lành, có lòng thương người * ***Nhân đạo***: Thương yêu, quý trọng, vì con người. * ***Nhân ái:*** Có lòng yêu thương con người, sẵn sáng giúp đỡ khi cần thiết. |

**Phụ lục 1: Phiếu học tập**

**Phiếu học tập số 1a.**

**Tìm và giải nghĩa một số từ Hán Việt có trong đoạn trích chưa được chú thích ở văn bản “Bình Ngô đại cáo”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ/Yếu tố** | **Nghĩa** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Phiếu học tập số 1c**

***Đặt câu với các từ: : Nhân nghĩa, văn hiến, hào kiệt***

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ** | **Đặt câu** |
| ***Nhân nghĩa*** |  |
| ***Văn hiến*** |  |
| ***Hào kiệt*** |  |

**Phiếu học tập số 2:**

**Lập bảng liệt kê các điển tích và nêu tác dụng biểu đạt của chúng theo gợi ý sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Điển tích** | **Tác dụng biểu đạt** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Phiếu học tập số 3:**

**Hãy liệt kê và giải thích nghĩa của các từ có yếu tố “Nghĩa” trong nguyên tác “Bình Ngô đại cáo”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ** | **Nghĩa của từ** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Phiếu học tập số 4**

**Tìm một số từ Hán Việt có yếu tố “nhân” được dùng với nghĩa như trong từ “nhân nghĩa”. Giải nghĩa các từ đó.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ** | **Nghĩa của từ** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Phụ lục 2. Rubic đánh giá thảo luận nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, nhiều yêu cầu chưa thực hiện được. Trình bày cẩu thả. | **1 điểm**  Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa thực hiện đủ các yêu cầu của bài tập.  Một số ý chưa chính xác | **4 – 5 điểm**  Thực hiện tương đối đầy đủ các yêu cầu.  Nhiều ý chính xác | **6 điểm**  Thực hiện đầy đủ các yêu cầu  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |



**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Qua những văn bản của Nguyễn Trãi, học sinh nhận ra những vấn đề xã hội mà tác giả đề cập đến.

- Qua bài học, học sinh có khả năng nhớ và hiểu được yêu cầu, cách thức viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

**2. Về năng lực:**

- Học sinh biết vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận.

- Học sinh phải biết cách trình bày quan điểm cá nhân về một vấn đề xã hội bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, khoa học.

- Học sinh vận dụng lí lẽ, dẫn chứng xác thực và thuyết phục để trình bày một vấn đề xã hội được rút ra từ tác phẩm văn học.

- Học sinh biết vận dụng ngôn ngữ, giọng điệu cho phù hợp với nội dung nghị luận.

**3. Phẩm chất:**

- Khơi dậy tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào dân tộc và trân trọng những giá trị văn truyền thống.

- Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* **Học liệu:** SGK, SGV, Sách bài tập, Phiếu học tập
* **Thiết bị:** Bảng, Máy chiếu và dụng cụ khác nếu cần

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung thực hiện:**

\*GV phát vấn: Theo em, cần phải chuẩn bị những gì để viết được bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội?

**c. Sản phẩm:** Kết quả trình bày của học sinh về kiến thức cơ bản của văn bản nghị luận xã hội

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi trắc nghiệm  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trao đổi, chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **Gợi ý câu hỏi:**  1. Văn bản nghị luận tồn tại ở mấy dạng?  2. Nghị luận về một hiện tượng đời sống được hiểu là:  3. Văn bản nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lý thường được thể hiện qua:  4. Văn bản nghị luận về hiện tượng đời sống khác văn bản nghị luận về tư tưởng, đạo lý là:  **Gợi ý đáp án**  1. Một  2. Bàn về một sự việc hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội  3. Một câu danh ngôn, một câu tục ngữ, ca dao, một câu nói của vị hiền triết  4. Về nội dung nghị luận |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  a. **Mục tiêu hoạt động:**  \* **Học sinh viết được** một đoạn hoặc trình bày ngắn gọn quan điểm cá nhân về một vấn đề hay một khía cạnh vấn đề xã hội ( kể cả vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản văn học).  \* **Học sinh đánh giá** vấn đề xã hội trên quan điểm cá nhân.  \* **Học sinh khẳng định** ý nghĩa của vấn đề xã hội trong đời sống.  b**. Nội dung thực hiện:**  \* Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị viết – tìm ý, lập dàn ý – trong khi viết – chỉnh sửa bài viết  \* Học sinh thực hành lập dàn ý và viết bài  **c. Sản phẩm:** Học sinh trình bày được cách lập dàn ý và cách viết văn bản nghị luận  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  • Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ văn bản mẫu trong SGK và trả lời câu hỏi  • GV yêu cầu HS đọc thật kĩ các bước, thao tác được diễn giải trong SGK  • **HS thực hành viết**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành viết  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức | 1. **Nêu vấn đề**   Phiếu học tập  CH1: Vấn đề được bàn luận trong văn bản là gì?  CH2: Nhận xét về cách nêu vấn đề của tác giả?  CH3: Thái độ của tác giả khi nêu vấn đề nghị luận?  Kết luận: Khi nêu vấn đề nghị luận thì chúng ta cần có những lưu ý gì?   * Xác định vấn đề nghị luận * Xác định thái độ người viết * Cách nêu vấn đề cần như thế nào?  1. **Triển khai vấn đề thành các luận điểm**   \*Yêu cầu học sinh đọc lại văn từ Như thế nào gọi là sống đơn giản…Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hồ Chí Minh… (Tr 27 – Tr29)  Câu hỏi gợi ý:   1. **Hãy chỉ những luận điểm mà tác giả đã triển khai trong đoạn văn bản?**  * Tác giả giải thích quan niệm sống đơn giản. * Cách tạo nên cuộc sống đơn giản * Ý nghĩa của cuộc sống đơn giản * Phân biệt lối sống đơn giản với sống nhàn nhã, lẩn tránh.   **b. Để triển khai vấn đề nghị luận, người viết đã sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt nào?**  3**. Kết thúc vấn đề:**  **Theo tác giả, lối sống đơn giản có giá trị như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?**  **4. Kết luận: các bước viết văn bản nghị luận xã hội**  • **Chia sẻ phần các bước làm bài**  B1. Chuẩn bị viết  B2. Tìm ý, lập dàn ý  B3. Viết bài  B4. Chỉnh sửa, hoàn thiện  • **Học sinh tiến hành lập dàn ý (Tham khảo phụ lục)** |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:**  Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực hiểu biết xã hội để trình bày một văn bản nghị luận xã hội  **b. Nội dung thực hiện**  HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubic chấm  **c. Sản phẩm:** Học sinh vận dụng được kiến thức để viết được một văn bản nghị luận xã hội.  **d. Sản phẩm** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành viết  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | Bài viết tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục) |
| 4. **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  a. **Mục tiêu hoạt động:**  Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong tác phẩm  **b. Nội dung thực hiện:**  HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp  **c. Sản phẩm:** Học sinh có thể liên hệ, vận dụng từ bài viết để viết được văn bản nghị luận xã hội khác và có thể trình bày ý kiến về một vấn đề trong thực tế cuộc sống.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên giao nhiệm vụ  - Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS |

**Phụ lục 1: Dàn ý tham khảo:**

**Đề: Anh/Chị hãy trình suy nghĩ của mình về *sống đẹp* của giới trẻ hiện nay.**

**Mở bài:**

- Dẫn dắt giới thiệu vấn đề cần nghị luận

**Thân bài:**

1. Giải thích ngắn gọn và nhận xét khái quát về vấn đề nghị luận.

2. Bàn luận về *sống đẹp*

\*Những biểu hiện của *sống đẹp*

- *Sống đẹp* là lối sống có lý tưởng, khát vọng hoài bão và ước mơ

*- Sống đẹp* là sống biết yêu thương, chia sẻ và giúp đỡ người khác

*\** Ý nghĩa của *sống đẹp*

- Sống có hoài bão, ước mơ giúp con người vươn tới những thành tựu trong cuộc sống

- Người có ý chí, nghị lực sẽ chạm tới những thành công cuộc sống

- Được mọi người yêu mến, quý trọng. Chính lòng nhân hậu, bao dung khiến cho cuộc sống mỗi người bình an, tốt đẹp xã hội văn minh

\* Phản đề: Phê phán những biểu hiện sống thiếu ý chí, khát vọng, ước mơ, ích kỷ, vô cảm.

3. Bài học nhận thức và hành động

**Kết bài**

Khẳng định lại ý nghĩa vấn đề.

**Phụ lục 2: Bài viết tham khảo**

Mỗi chúng ta sinh ra và lớn lên ai mà không có ước mơ, hoài bão cho riêng mình. Có thế đó chỉ là những nhu cầu bình thường trong sinh hoạt hằng ngày. Nhưng cũng có thể là những khát vọng cuộc sống, vững niềm tin và có lý tưởng sống tốt đẹp. Xã hội luôn muốn hướng con người đến một lối sống đẹp, văn minh, thân thiện, hòa đồng trong tập thể và cộng đồng. Lối sống đẹp được xem là một tiêu chuẩn đạo đức chung là thước đo đánh giá nhân cách của mỗi người trong xã hội, đang được định hướng được áp dụng rộng rãi trong quá trình giáo dục từ gia đình đến nhà trường để góp phần tạo nên một đất nước văn minh, tiến bộ.

Trước hết chúng ta phải hiểu được thế nào là sống đẹp? “ Sống đẹp” chỉ là hai từ ngắn gọn, đơn giản nhưng hàm nghĩa của nó không hề giản đơn. Sống đẹp là sống biết yêu thương, chia sẻ, đồng cảm và rộng lòng vị tha với mọi người xung quanh…

Sống đẹp là người luôn có mục tiêu, kế hoạch, luôn có ước mơ, khát vọng và lý tưởng sống rõ ràng. Sống đẹp là người có ý chí, nghị lực và vươn lên trong cuộc sống, sống dũng cảm, bản lĩnh vượt qua mọi gian nan thử thách của cuộc đời để chắp cánh ước mơ bay cao bay xa. Sống đẹp là sống yêu thương, trân trọng, sẻ chia với mọi người, trân trọng những gì mình có, đồng thời cũng biết căm ghét, lên án, phê phán những điều sai trái, những tội ác và bảo vệ chính nghĩa và lẽ phải.

Một người sống đẹp có thể biểu hiện ở nhiều góc độc khía cạnh, ở trên nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng đều có những điểm chung là luôn có ước mơ, hoài bão và lý tưởng tốt đẹp. Ước mơ đó dù nhỏ hay lớn, dù bình thường hay cao sang thì cũng trải qua sự nỗ lực phấn đấu không ngừng để đạt được những mục tiêu vạch đích đã đặt ra, chạm tới ước mơ. Lối sống đẹp thể hiện cả quá trình mỗi cá nhân tu dưỡng đạo đức, nhân cách, thể hiện lòng nhân hậu, bác ái, có lòng vị tha, sự khoan dung đối với những sai lầm của người khác. Những biểu hiện trong thực tế cuộc sống xã hội hiện nay về lối sống cao đẹp: chẳng hạn như hoạt động thiện nguyện, quyên góp quỹ vacxin Covid-19, giúp đỡ đồng bào thiên tai lũ lụt ở các tỉnh miền Trung, những nạn nhân chất độc màu da cam do chịu hậu quả của chiến tranh,… Sống đẹp đơn giản là cách ứng xử lịch sự, hòa đồng thân thiện với mọi người xung quanh. Một người có lối sống đẹp không những cố gắng tu dưỡng đạo đức, tuân theo các chuẩn mực xã hội mà còn phải nghiêm túc chấp hành pháp luật, là một công dân tốt có ích cho xã hội, thể hiện lòng yêu nước tha thiết, sẵn sàng ra đi khi Tổ quốc gọi tên. Người có lối sống đẹp là một người có lối sống văn minh, ngay thẳng, không bị cám dỗ bởi những giá trị tầm thường, những thói hư tật xấu, luôn biết cân bằng cuộc sống cá nhân, có kế hoạch rõ ràng, đặt lợi ích của tập thể lên trên nhu cầu của cá nhân, luôn có ý chí phấn đấu, vươn lên không mặc cảm, tự ti về hoàn cảnh của bản thân, tự tin bình tĩnh trong mọi trường hợp.

Trong xã hội hiện tại nhiều tấm gương sống đẹp mà chúng ta cần phải học hỏi và noi theo. Câu chuyện vợ chồng anh Vũ Công Tuấn lại cùng nhau vi vu đi hết những nơi mà họ muốn đến và điểm mà họ để lại ấn tượng trong mắt mọi người xung quanh và lan tỏa khắp xã hội đó là ở bất cứ nơi nào anh chị đến đều hành động làm sạch môi trường. Anh chị từng chia sẻ “Dọn rác không phải là vấn đề khó nhưng khi dọn xong, làm sao để không phải dọn đi dọn lại mãi như vậy?, đó là trăn trở của đôi vợ chồng trẻ trong những lần vừa hưởng tuần trăng mật vừa làm sạch môi trường. Đây là nghĩa cử cao đẹp, thói quen giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp. Khi chúng ta yêu thiên nhiên không có nghĩa là chỉ hưởng cái hay cái đẹp của thiên nhiên mà góp phần bảo vệ và giữ gìn. Chính vì vậy, lối sống đẹp cần phải duy trì và lan tỏa rộng rãi với tất cả mọi người.

Thực tế cuộc sống đã chứng minh những người sống có lý tưởng, ước mơ, hoài bão và khát vọng thì chắc chắn họ sẽ tạo nên những thành tựu trong cuộc sống bằng năng lực, trí tuệ, bằng vẻ đẹp đạo đức và bản lĩnh văn hóa của chính họ. Hơn thế, những người biết yêu thương, biết sẻ chia với người khác thì họ luôn luôn được yêu mến và tôn trọng. Điều đó, góp phần khẳng định bản lĩnh văn hóa và trí tuệ Việt Nam.

Nhưng bên cạnh những người có lối sống đẹp, sống lành mạnh, tích cực lại có những người có lối sống tiêu cực, sống ích kỷ. Họ sống buông thả, không có mục đích, lí tưởng sống, phó mặc cho số phận, đổ lỗi mà không tự lực cố gắng. Thường những người như vậy rất dễ sa vào các tệ nạn xã hội, là mối nguy hại với cộng đồng và xã hội. Bên cạnh đó tồn tại những kẻ sống vô ơn, vô cảm trước những vấn đề nan giải của xã hội, những người có số phận bất hạnh, sống thiếu trách nhiệm, thờ ơ với mọi người xung quanh.

Là một học sinh chúng ta không chỉ trau dồi kiến thức mà còn phải tu dưỡng đạo đức, để trở thành công dẫn có ích trong xã hội. Muốn được như vậy, chúng là cần sống có hoài bão, lí tưởng, không ngừng nỗ lực phấn đấu. Cần có ý chí kiên cường, bền bỉ, dù gặp bất cứ khó khăn gì cũng không được nản chí, bỏ cuộc.

Qua các thời kỳ, sống đẹp tuy có khác nhau nhưng đều quy về cái tốt đẹp cho xã hội. Sống đẹp là truyền thống quý báu của dân tộc ta nó phải được phát huy mạnh mẽ trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Là một công dân Việt Nam chúng ta hãy luôn giữ vững niềm tin, bản lĩnh, sáng suốt, dám chịu trách nhiệm trong mọi hành động của chính mình để không bị cám dỗ bởi những giá trị tầm thường nhằm góp phần tạo cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Sống đẹp trong lòng tổ quốc và nhân dân, sống đẹp cho hôm nay và ngày mai. Sống đẹp trong cách sống, trong học tập và lao động. Các bạn hãy nhớ sống để hiến dâng và phục vụ như Tố Hữu đã nói: “*Sống là cho đâu nhận chỉ riêng mình”.*

**Phụ lục 3: Rubic đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Không đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.  Bài làm sơ sài, trình bày chưa khoa học.  Còn sai nhiều lỗi chính tả, lỗi dùng từ, diễn đạt. | **1 điểm**  Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.  Bài làm đảm bảo 2/3 ý theo yêu cầu của đề bài.  Trình bày cẩn thận, sạch đẹp.  Còn mắc ít lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt | **2 điểm**  Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.  Bài làm đẩy đủ ý  Trình bày logic, khoa học  Không có lỗi chính tả, diễn đạt mạch lạc, rõ ràng.  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU**

**(1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lý lẽ, bằng chứng…) nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa…) của các văn bản nghị luận xã hội.

- Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào đọc, viết, nói và nghe.

- Học sinh hiểu được sự cần thiết của trao đổi, thảo luận khi nảy sinh ý kiến khác nhau về một vấn đề nào đó.

- Góp phần phát triển các năng lực chung: tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo.

**2. Phẩm chất:**

- Biết cách lắng nghe và tranh luận có văn hóa.

- Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

1. **Giáo viên:**

- Máy chiếu, máy tính, bảng con và phấn viết (hoặc giấy A0 và bút dạ)...

- SGK Ngữ văn 10, tập 2; sách bài tập; sách tham khảo về đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 10; Phiếu học tập, tư liệu và video về một vấn đề xã hội có những ý kiến khác nhau.

**2. Học sinh:**

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn Chuẩn bịphần Đọc - hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Hoàn thành: Sơ đồ tư duy; Phiếu học tập mà GV đã giao chuẩn bị trước tiết học.

- Đọc kĩ phần Định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

- Chuẩn bị giấy A0, bút màu, thước…

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

***a. Mục tiêu:*** Tạo không khí học tập, bước đầu định hướng cho HS kĩ năng thực hành bài nói trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng KTDH trực quan, phân tích mẫu để kích hoạt kiến thức nền của HS về các yêu cầu của bài nói trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** GV chiếu một trích đoạn video trong Gameshow “Trường Teen”

(Link video: https://www.youtube.com/watch?v=hgL\_U6KiOgM)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:

GV đặt câu hỏi: Các bạn học sinh đang làm gì?

HS thực hiện nhiệm vụ.

GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS phát biểu

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:

- Có ba yếu tố quan trọng của một cuộc tranh luận có văn hóa:

+ Điều kiện tiên quyết của một cuộc tranh luận đúng nghĩa là người tham gia tranh luận phải tinh thần cầu thị.

+ Tranh luận phải có tính học thuật, nghĩa là người tham gia tranh luận nên/phải tôn trọng thực tế khách quan, trình bày quan điểm có cơ sở lý luận hoặc cơ sở thực tế, có dẫn chứng minh họa.

+ Tôn trọng đối phương khi tranh luận. Ngôn từ đúng mực, không được sử dụng những từ ngữ mang tính miệt thị, khiêu khích. Thể hiện quan điểm một cách ôn hòa trong giới hạn vấn đề đang được tranh luận.

- Các bước tiến hành tranh luận:

+ Bước 1: Xác định vấn đề tranh luận.

+ Bước 2: Chuẩn bị các ý kiến tranh luận và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm

+ Bước 3: Tham gia tranh luận.

GV định hướng, kết nối với bài học.

*Trong cuộc sống, chúng ta chứng kiến, trải nghiệm nhiều sự việc, hiện tượng. Trong đó có sẽ gặp phải không ít những vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau và chúng ta cần phải tranh luận trong một số trường hợp cần thiết. Trong tiết nói và nghe hôm nay, chúng ta cùng chuẩn bị những kĩ năng thảo luận và thực hành cách thảo luận một vấn đề xã hội có ý kiến.*

**2. Hoạt động 2:Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được định nghĩa và các yêu cầu chung của bài nói nghe thảo luận nhóm về một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung**: HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe thảo luận nhóm về một vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Định hướng thảo luận nhóm về một vấn đề** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi:**  ?Em hiểu thế nào là thảo luận?  ? Để trình bày ý kiến trước lớp về vấn đề đã xác định, các em cần chú ý nội dung, kĩ năng gì?  ? Trong khi nghe bạn trình bày, người nghe cần chú ý những điều gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS suy nghĩ.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số HS phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS và chuẩn hoá kiến thức. | **1. Mục đích:**  **-** Thảo luận về một vấn đề nhằm đưa ra giải pháp thống nhất cho vấn đề.  - Các vấn đề thường gặp trong thảo luận nhóm là:  + Một hiện tượng đời sống.  + Vấn đề đặt ra từ các nội dung học tập, các văn bản đọc hiểu.  + Hành động của một nhân vật trước nhiều nhận xét khác nhau.  **2. Nội dung:** Theo dàn ý đã thực hiện ở phần Viết bài văn nghị luận.  **3. Kĩ năng nói và nghe**   |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | **1. Nội dung**  **- Mở đầu:** Chào hỏi, giới thiệu bản thân, đội nhóm, giới thiệu vấn đề của bài nói.  **- Nội dung:** Thể hiện được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe, biết vận dụng kết hợp các thao tác cơ bản trong trong văn nghị luận.  **- Kết thúc:**  + Khẳng định lại vấn đề bàn luận; đề xuất giải pháp  + Lời cảm ơn. | - Lắng nghe tích cực  - Trân trọng vấn đề, ý kiến lí lẽ, bằng chứng trong bài nói của bạn  - Nhận ra ưu điểm, hạn chế trong bài nói...; góp ý cho bài nói của bạn. | | **2. Hình thức:**  - Ngôn ngữ nói: giọng điệu, âm lượng,…  - Ngôn ngữ cơ thể: Ánh mắt, cử chỉ, nét mặt, di chuyển,… | | **3. Phương tiện hỗ trợ:** Hình ảnh, Infographics,… | |

**Hoạt động 3: Luyện tập: Thực hành nói và nghe**

**a) Mục tiêu:**

**-** HSbiết thảo luận vấn đề theo nhóm, đưa đến giải pháp thống nhất theo đúng quy trình các bước.

- HS biết cách phân công nhiệm vụ trong nhóm, các thành viên chuẩn bị các nội dung thảo luận, hiểu được mục tiêu buổi thảo luận.

- Luyện kĩ năng nói và làm việc nhóm cho từng HS .

- Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.

**b)** **Nội dung:**

- GV phân chia HS thành nhóm nhỏ.

- Nhóm trưởng của nhóm HS tiến hành điều khiển buổi thảo luận, đảm bảo từng thành viên đều được làm việc.

- Thư kí cần ghi chép nội dung cuộc thảo luận.

- Các thành viên trong tổ lắng nghe và phản hồi, ghi chép lại ý kiến của bạn mình.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm thảo luận nhóm của thư kí ghi chép.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Chủ đề thảo luận*:***

Trao đổi về vấn đề: **Chúng ta nên lựa chọn nghề nghiệp theo xu hướng của thời đại hay nên đi theo tiếng gọi của đam mê?**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Thực hành thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau.**  **Bước 1: CHUẨN BỊ THẢO LUẬN** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - GV giao nhiệm vụ cho một nhóm HS.  - GV giới thiệu nhóm HS và trao quyền điều hành cho nhóm HS.  Định hướng: Nhóm học sinh được giao cần chủ động trong việc tiến hành dẫn dắt các thành viên còn lại trong lớp tổ chức một buổi tranh luận, thảo luận về một hiện tượng trong đời sống dưới sự hướng dẫn của GV (HS chủ động tiến hành thực hiện các hoạt động, tiến hành chia nhóm và điều hành hoạt động của các nhóm trong quá trình thực hiện).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Nhóm HS được giao nhiệm vụ lên tiến hành các bước theo dự kiến của mình.  Dự kiến: Nhóm HS tổ chức gameshow “Đấu trường tranh luận”.  - MC điều khiển lớp tiến hành các bước hỏi – đáp – HS Thảo luận nhóm dưới hỗ trợ của GV.  + HS thực hiện yêu cầu của GV.  + GV quan sát, khuyến khích, động viên, hỗ trợ nếu cần. | * Mục tiêu thảo luận: Các thành viên đưa ra các ý kiến riêng, thống nhất lại để đưa ra giải pháp chung nhằm làm sáng tỏ vấn đề nghị luận. * Dự kiến tiến hành:   - Mỗi thành viên suy nghĩ, đưa ra ý kiến riêng (dựa trên kiến thức và hiểu biết của học sinh).  - Nhóm trưởng điều hành thảo luận thống nhất giải pháp chung.  - Thư kí ghi chép giải pháp chung.  - Tiến hành tranh biện. |
| **Bước 2: TIẾN THẢO LUẬN NHÓM** | |
| **Bước 1: Nhóm HS được GV giao nhiệm vụ tiến hành điều hành các thành viên trong lớp:**  Dự kiến hoạt động của học sinh:  - HS yêu cầu các nhóm thảo luận:  + Sau khi các thành viên đưa ra các ý kiến cá nhân (ở bước chuẩn bị thảo luận) nhóm trưởng đại diện trình bày ý kiến.  + Các thành viên trong nhóm lắng nghe, ghi chép ý kiến của bạn (có sự định hướng):   |  |  | | --- | --- | | **Ý kiến của bạn** | **Ý kiến tôi muốn bổ sung** | | Ghi ngắn gọn ý kiến của bạn. | Ghi ngắn gọn những ý định trao đổi với bạn và những điều tôi muốn bổ sung, góp ý. |   +Thư kí của nhóm ghi chép ý kiến của các thành viên.  + Nhóm thống nhất các ý kiến chung.  Thư kí đọc tóm tắt những ý kiến trong buổi thảo luận để nhóm đưa ra giải pháp tối ưu trong bài dự kiến trình bày.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.**  Các nhóm tiến hành thảo luận và thống nhất giải pháp chung, hoàn thiện sản phẩm học tập bằng một bài thảo luận, tranh luận về một vấn đề xã hội đã được đặt ra. |  |
| **Bước 3: BÁO CÁO SẢN PHẨM TRƯỚC LỚP & TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - HS được giao nhiệm vụ điều khiển cuộc thảo luận.  HS dẫn chương trình gọi đại diện 02 nhóm lên trình bày sản phẩm học tập (giải pháp đã thống nhất).  - Các nhóm tiến hành tranh luận, phản biện.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS dẫn chương trình dẫn dắt, điều hành chương trình.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện 02 nhóm báo cáo sản phẩm đã thảo luận.  + Các thành viên các nhóm khác lắng nghe, ghi chép ý kiến của bạn để chuẩn bị phản biện:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến của bạn** | **Những điều tôi muốn trao đổi với bạn** | **Những điều bạn trao đổi lại với tôi** | | Ghi ngắn gọn ý kiến và lí lẽ, bằng chứng. | Ghi ngắn gọn những ý định trao đổi bằng cách tự hỏi: Điều gì tôi muốn bạn làm rõ hơn? Điều gì tôi không đồng ý với bạn? | Ghi ngắn gọn các lí lẽ, bằng chứng mà bạn phản hồi ý kiến của mình. |   + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét vào bảng kiểm tra kĩ năng nói và nghe; bổ sung ý kiến, tranh luận. | Giám khảo và các học sinh trong nhóm hoàn thiện 2 bảng kiểm về đánh giá kĩ năng nói của bạn và tự kiểm tra kĩ năng nghe của bản thân. |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | \* **Bảng kiểm tra kĩ năng nói:**   |  |  | | --- | --- | | **BẢNG KIỂM BÀI NÓI** | | | **Nội dung yêu cầu** | **Đạt/**  **Chưa đạt** | | 1. Bài nói có đủ các phần mở đầu, nội dung và kết thúc? |  | | 2. Mở đầu và kết thúc có ấn tượng không? |  | | 3. Bài nói đã đưa ra được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng thuyết phục người nghe hay không? |  | | 4. Người trình bày bài nói có mạch lạc, rõ ràng, đúng thời gian quy định không? |  | | 5. Người trình bày có tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí không? |  | | 6. Các phương tiện hỗ trợ có được sử dụng hợp lí, tăng hiệu quả cho bài nói không? |  | | 7. Người trình bày có ghi nhận và phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe không? |  | | \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **BẢNG KIỂM KỸ NĂNG NGHE** | | | **Nội dung yêu cầu** | **Đạt/**  **Chưa đạt** | | 1.Nắm và hiểu được nội dung chính phần trình bày bài nói của bạn. |  | | 2.Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của trong phần trình bày của bạn. |  | | 3.Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày. |  | | | |
| **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  **-** HS nhận xét, đánh giá về buổi tranh biện.  - GV nhận xét, đánh giá chung và chốt kiến thức toàn bài bằng hình thức dán mô hình “Cây kết trái”. | GV tổng kết lại giờ nói và nghe, ghi nhận những ưu điểm và điểm cần phải khắc phục của HS. |

**Hoạt động 4: Hướng dẫn tự học**

* Thu thập thêm những tư liệu về các vấn đề trong học tập, sinh hoạt mà các em cần phải thảo luận để có giải pháp thống nhất.
* Viết bài hoàn chỉnh trình bày ý kiến của em về vấn đề đã trao đổi nhóm trong nội dung thực hành: “Vậy chúng ta nên lựa chọn nghề nghiệp theo xu hướng của thời đại hay nên đi theo tiếng gọi của đam mê?”